

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TOÁN CƠ SỞ 2

Mã học phần: 1110140

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Toán cơ sở 2
- Mã học phần: 1110140 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN/ Bộ môn: KHTN.

2. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên ngành mầm non những kiến thức chung về Toán cơ sở, song song với việc củng cố lại những kiến thức Toán sơ cấp mà sinh viên đã được học nhằm lĩnh hội, tiếp thu và ứng dụng hiệu quả linh hoạt vào phương pháp giảng dạy Toán cho bậc Mầm non.

Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải toán cơ bản về vectơ, các phép biến hình trên mặt phẳng và phép đồng dạng; các khái niệm về hình trong hình học sơ cấp.
- Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và sử dụng linh hoạt các kết quả đã học vào việc học tập và giảng dạy sau này.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Toán cơ sở 2 được biên soạn thành 2 chương có mối liên hệ với nhau.

Chương 1. Trình bày các khái niệm cơ bản về vectơ, các phép biến hình trong mặt phẳng như phép đối xứng tâm, phép đối xứng trục, phép tịnh tiến, phép vị tự, phép quay,... và phép đồng dạng.

Chương 2. Trình bày các khái niệm về hình trong hình học sơ cấp và phương pháp giải các bài toán hình học bằng phương pháp vectơ, phương pháp tọa độ và phương pháp dùng các phép biến hình đã trình bày ở chương 1.

4. Nội dung chi tiết học phân:

Chương	Số tiết	
	LT	BT
Chương 1. Phép biến hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng.	7	8
1.1. Khái niệm về vectơ	2	2
1.1.1. Các định nghĩa.		
1.1.2. Tổng, hiệu của hai vec tơ và các tính chất của vectơ		
1.1.3. Tích của một vec tơ với một số		
1.1.4. Trục tọa độ và hệ trục tọa độ		
1.2. Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng	5	6
1.2.1. Phép biến hình.		
1.2.2. Phép tịnh tiến.		
1.2.3. Phép đối xứng trục.		
1.2.4. Phép đối xứng tâm.		
1.2.5. Phép quay.		
1.2.6. Khái niệm về phép dời hình và hai hình bằng nhau.		
1.2.7. Phép vị tự.		
1.2.8. Phép đồng dạng.		
Chương 2. Khái niệm về hình trong hình học sơ cấp.	8	7
2.1. Định nghĩa hình. Sự bằng nhau và sự đồng dạng giữa các hình.	1	
2.1.1. Định nghĩa hình.		
2.1.2. Quan hệ bằng nhau và quan hệ đồng dạng giữa các hình.		
2.2. Hình đa giác.	1	
2.2.1. Đường gấp khúc.		
2.2.2. Hình đa giác.		

7.1. Chuyên cần: 10% (Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu).

7.2. Giữa kỳ: 20% (Làm bài kiểm tra tự luận ở lớp)

7.3. Thi cuối kỳ: 70% (Làm bài thi tự luận, 90 phút)

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Thao
Nguyễn Thị Phương Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trần Văn Dũng
Trần Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Đức
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

2.2.3. Đa giác đều.		
2.3. Hình đa diện. 2.3.1. Góc đa diện. 2.3.2. Hình đa diện – Khối đa diện.	1	
2.4. Diện tích đa giác. Thể tích khối đa diện. 2.4.1. Diện tích đa giác. 2.4.2. Thể tích khối đa diện đơn.	1	1
2.5. Sự đẳng hợp giữa các hình. 2.5.1. Sự đẳng hợp của các miền đa giác. 2.5.2. Sự đẳng hợp của các khối đa diện.	1	1
2.6. Đường tròn – Khối tròn xoay. 2.6.1. Phương tích của một điểm đối với một đường tròn. 2.6.2. Mặt tròn xoay – Khối tròn xoay.	1	1
2.7. Phương pháp giải các bài toán hình học. 2.7.1. Phương pháp vec tơ. 2.7.2. Phương pháp tọa độ. 2.7.3. Phương pháp giải toán bằng cách dùng phép biến hình.	2	4

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Phương pháp thuyết trình, vấn đáp kết hợp với giao cho sinh viên các bài tập thực hành vận dụng các lý thuyết đã được học.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

- Tập bài giảng.
- Sách giáo khoa Hình Học 10, Nxb GD.
- Sách giáo khoa Hình học 11, Nxb GD.
- Tham khảo:

[1] *Giáo trình Hình học sơ cấp*

Đào Tam, Nxb GD, 2010.

[2] *Giáo trình Toán sơ cấp*

Vũ Tuấn, Nguyễn Văn Đoàn, Nxb GD, 2008.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần:

- Biết xác định chủ đề Lồng ghép GDBVMT và thiết kế chương trình giúp trẻ có ý thức bảo vệ môi trường.
- Thái độ:
 - Giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề về thực trạng môi trường hiện nay để có cách ứng xử hợp lý và xây dựng được tình yêu thiên nhiên, con người và yêu thích các hoạt động bảo vệ môi trường.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần.

Thông qua việc lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo, sinh viên có thể có những kiến thức về môi trường và nắm được vai trò của môi trường đối với con người và tự nhiên. Thông qua đó, hình thành nhận thức đúng đắn của sinh viên về môi trường và sự quan tâm đến các nguồn gốc suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Từ đó giúp sinh viên có đạo lý, thái độ, hành vi và thói quen bảo vệ môi trường, biết cách lồng ghép GDBVMT trong tổ chức các hoạt động ở trường mầm non.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung lồng ghép GDBVMT trong chương trình đào tạo mầm non; mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm lựa chọn và nội dung GDBVMT cho trẻ mầm non; nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường và những hoạt động cụ thể trong trường mầm non.

4. Nội dung chi tiết học phần:

- Phần 1: Mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung lồng ghép GDBVMT trong chương trình đào tạo mầm non.
 - 1.1. Mục tiêu lồng ghép GDBVMT trong chương trình đào tạo.
 - 1.2. Nhiệm vụ lồng ghép GDBVMT trong chương trình đào tạo.
 - 1.3. Nội dung, biện pháp lồng ghép GDBVMT trong chương trình đào tạo.
- Phần 2: *Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm lựa chọn và nội dung GDBVMT cho trẻ mầm non.*
 - 2.1. Mục tiêu và nhiệm vụ GDBVMT cho trẻ mầm non.
 - 2.2. Quan điểm lựa chọn và thiết kế nội dung GDBVMT cho trẻ mầm non.
- Phần 3: *Nội dung tích hợp GDBVMT và những hoạt động cụ thể trong trường mầm non.*
 - 3.1. Nội dung tích hợp trong các chủ đề và trong các hoạt động ở trường mầm non.

3.2. Những hoạt động cụ thể về GDBVMT.

5. Phương pháp hình thức giảng dạy: Lý thuyết- diễn giảng; hoặc thuyết trình, thảo luận kết hợp trình chiếu powerpoint.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến, NXB Giáo dục (2005), *Giáo dục môi trường*.

2. Lưu Đức Hải, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (2000), *Cở sở khoa học về môi trường*.

3. Lê Văn Khoa, NXB Giáo dục Hà Nội (2002), *Khoa học môi trường*.

4. Tài liệu tập huấn, Hà Nội (2010), *Lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non*.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra-đánh giá kết quả học tập

7.1 Chuyên cần: 10% - Tham gia học tập trên lớp

7.2 Giữa kỳ: 20%

- Điểm đánh giá khối lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/ tuần; bài tập nhóm/ tháng; bài tập cá nhân/ học kì ...).

- Kiểm tra giữa kỳ

7.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số **70%**

- Hình thức thi: tự luận

- Thời lượng thi: 90 phút

- Sinh viên không được tham khảo tài liệu

7.4 Lịch thi kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ

- Kiểm tra giữa kỳ: tuần thứ 8

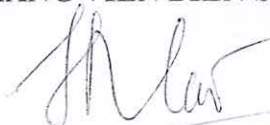
- Thi cuối kỳ: sau tuần thứ 15, thi lần 2: sau tuần thứ 20

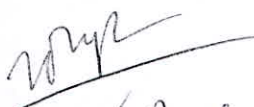
Bình Định, ngàythángnăm.....


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


Võ Thị Tuyết Mai


Tô Văn Dũng


ThS. Lê Văn Đức



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ 1

Mã học phần: 1110054

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ 1
- Mã học phần: 1110054 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở 3.
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phát huy tính tích cực và sáng tạo nghiên cứu của sinh viên liên quan đến học phần.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 28
 - + Làm bài tập trên lớp: 2
 - + Tự học: 2
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN/ Bộ môn: KHTN.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non.
- Kỹ năng: Có cơ sở để nghiên cứu bộ môn một cách tốt nhất. Qua đó hình thành những kỹ năng cần thiết có tính nghiệp vụ trong dạy học những biểu tượng toán cho trẻ mầm non.
- Thái độ, chuyên cần: Tạo điều kiện cho sinh viên có tinh thần học hỏi, biết phát huy tính chuyên cần, chăm chỉ và sáng tạo trong nghiên cứu bộ môn.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Giúp cho sinh viên nắm được các đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

- Nhận thức được quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non từ nội dung và phương pháp hình thành.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

❖ Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của bộ môn

- Đối tượng: Đối tượng của phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non là quá trình dạy học những kiến thức toán học sơ đẳng. Thực chất đó là quá trình giáo dục thông qua việc dạy những kiến thức toán học sơ đẳng cho trẻ.

- Nhiệm vụ: Góp phần thực hiện các nhiệm vụ mang tính nghiệp vụ của bộ môn đối với môn học.

- Phương pháp nghiên cứu: Kết hợp các phương pháp như nghiên cứu lý luận, quan sát, tổng kết kinh nghiệm, thực nghiệm sư phạm.

❖ Quá trình hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ

Trên cơ sở nắm được bản chất, nhiệm vụ, các nguyên tắc của bộ môn và nội dung các biểu tượng toán cần hình thành cho trẻ. Ta có thể nhận thức và sử dụng thành thạo được các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học như sau:

◆ Phương pháp dạy học:

- Phương pháp dạy học thực hành
- Phương pháp dạy học trực quan
- Phương pháp dạy học dùng lời nói.

◆ Hình thức tổ chức dạy học:

- Dạy trong giờ học
- Dạy ngoài giờ học.

4. Nội dung chi tiết học phần: (Hình thành theo số tiết lý thuyết)

Chương I: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non. (10 tiết)

I. Đối tượng và nhiệm vụ

II. Những khoa học có liên quan

III. Phương pháp nghiên cứu

Chương II: Quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non. (18 tiết)

- I. Bản chất và nhiệm vụ của quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.
- II. Các nguyên tắc dạy học những kiến thức toán học sơ đẳng
- III. Nội dung hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non
- IV. Các phương pháp dạy học những kiến thức toán học sơ đẳng cho trẻ
- V. Các hình thức tổ chức hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

5.1. Phương pháp: Dùng phương pháp thuyết trình, phương pháp giảng giải, phương pháp hỏi đáp, phương pháp trực quan và phương pháp thực hành-luyện tập.

5.2. Hình thức: Dạy trong giờ, dạy ngoài giờ, thực hành cá nhân.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

[1] *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*

Đỗ Thị Minh Liên, , Nxb Đại học sư phạm, 2003.

Email: nxb@dhsphn.edu.vn

Website: www.dhsphn.edu.vn

[2] *Thiết kế dạy học hoạt động làm quen với toán ở trường mầm non*

Nguyễn Thị Huệ, Phạm Thị Điềm, Nguyễn Thị Như Hoa, Trần Thị Ái Lan, Lê Thị Kim Nga, Nxb Giáo dục, 2008.

[3] *Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo:*

Website: <http://www.mamnon.com.vn>

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phân:

7.1. Chuyên cần: chiếm 10% tham gia học tập trên lớp

7.2. Giữa kỳ: chiếm 20% bao gồm:

- Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giáo cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ; . . .).

- Hoạt động theo nhóm;

- Kiểm tra giữa kỳ;

- Các kiểm tra khác; . . .

7.3. Thi cuối kỳ: chiếm 70% (Làm bài thi tự luận, 90 phút)

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:

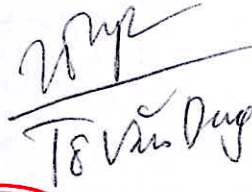
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Lê Công Hành

TRƯỞNG BỘ MÔN


Tô Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG

~~PHÓ HIỆU TRƯỞNG~~
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: TRÒ CHƠI TOÁN HỌC CHO TRẺ**

Mã học phần: 1110196

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Trò chơi toán học cho trẻ
- Mã học phần: 1110196 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Hình thành biểu tượng toán cho trẻ 1, 2.
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phát huy tính tích cực và sáng tạo nghiên cứu của sinh viên liên quan đến học phần.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20
 - + Làm bài tập trên lớp: 8
 - + Tự học: 4
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN, Bộ môn: KHTN

2. Mục tiêu của học phần:**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động khám phá trong toán học. Để qua đó nội dung hình thành được chuyển tải thành những trò chơi giúp trẻ phát triển tư duy về các biểu tượng toán mà trẻ đã được học.
- Kỹ năng: Có cơ sở để nghiên cứu bộ môn một cách tốt nhất. Qua đó hình thành những kỹ năng cần thiết có tính nghiệp vụ trong các hoạt động khám phá toán học làm cơ sở để xây dựng nhiều trò chơi cho trẻ, giúp trẻ phát triển tư duy toán học. Xây dựng được lớp trò chơi toán học cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau.
- Thái độ, chuyên cần: Tạo điều kiện cho sinh viên có tinh thần học hỏi, biết phát huy tính chuyên cần, chăm chỉ và sáng tạo trong nghiên cứu bộ môn.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Giúp cho sinh viên nắm được các đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn giúp trẻ khám phá toán học.

- Nhận thức được quá trình khám phá các nội dung liên quan đến toán học. Qua đó có cơ sở để tiếp cận cũng như thành thạo trong các thao tác của hoạt động tư duy toán học.

- Vận dụng các kiến thức toán học để xây dựng các trò chơi cho trẻ, giúp trẻ thích thú trong các hoạt động và phát triển được tư duy tốt.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Với những nhận thức từ các biểu tượng toán mà trẻ đã học được. Ta hướng cho trẻ biết cách phát huy từ trong các hoạt động mang tính *vui chơi* để qua đó phát huy được tư duy sáng tạo của trẻ từ các biểu tượng toán học, góp phần giáo dục một cách toàn diện nhân cách cho trẻ. Nội dung học phần là phần lớn là những “*bài toán*” dưới hình thức là những “*trò chơi*” mang tính khám phá, tìm hiểu và nhận thức vấn đề khá thú vị đối với các lứa tuổi của trẻ.

Học phần được xây dựng theo từng vấn đề một và được khái quát một cách khá rõ nét nội dung của từng vấn đề. Qua đó giúp cho các hoạt động có nhận thức thực hiện được một cách có hiệu quả.

Nội dung trong học phần cố gắng trang bị và hoàn thiện những nhận thức về khả năng phán đoán và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến các kiến thức toán học là những trò chơi mang tính vui chơi, giải trí khá thú vị.

4. Nội dung chi tiết học phần: (Hình thành theo số tiết lý thuyết)

I. Bài toán nhận dạng:

- 1.1 Nội dung khám phá bài toán
- 1.2 Phân tích bài toán và phương pháp thực hiện
- 1.3 Các ví dụ
- 1.4 Xây dựng trò chơi theo nội dung “Bài toán nhận dạng”.

II. Dùng đoạn thẳng xếp thành các hình:

- 2.1 Nội dung khám phá bài toán
- 2.2 Phân tích bài toán và phương pháp thực hiện
- 2.3 Các ví dụ
- 2.4 Xây dựng trò chơi theo nội dung “Bài toán dùng đoạn thẳng xếp thành các hình”.

III. Bài toán vẽ một nét liền:

- 3.1 Nội dung khám phá bài toán
- 3.2 Phân tích bài toán và phương pháp thực hiện
- 3.3 Các ví dụ
- 3.4 Xây dựng trò chơi theo nội dung “Bài toán vẽ một nét liền”.

IV. Chia một hình theo yêu cầu cho trước:

- 4.1 Nội dung khám phá bài toán
- 4.2 Phân tích bài toán và phương pháp thực hiện
- 4.3 Các ví dụ
- 4.4 Xây dựng trò chơi theo nội dung “Bài toán chia một hình theo yêu cầu”.

V. Cắt rời và ghép lại các hình:

- 5.1 Nội dung khám phá bài toán
- 5.2 Phân tích bài toán và phương pháp thực hiện
- 5.3 Các ví dụ
- 5.4 Xây dựng trò chơi theo nội dung “Bài toán cắt rời và ghép lại các hình”.

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

5.1. Phương pháp: Dùng phương pháp thuyết trình, phương pháp giảng giải, phương pháp hỏi đáp, phương pháp trực quan và phương pháp thực hành-luyện tập.

5.2. Hình thức: Dạy trong giờ, dạy ngoài giờ, thảo luận các vấn đề và thực hành cá nhân.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

[1] *Thiết kế dạy học hoạt động làm quen với toán ở trường mầm non*

Nguyễn Thị Huệ, Phạm Thị Diễm, Nguyễn Thị Như Hoa, Trần Thị Ái Lan, Lê Thị Kim Nga, , Nxb GD, 2008.

[2] *Chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo:*

Website: <http://www.mamnon.com.vn>

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. Chuyên cần: chiếm 10% tham gia học tập trên lớp

7.2. Giữa kỳ: chiếm 20% bao gồm:

- Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giáo cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ; . . .).

- Hoạt động theo nhóm;

- Kiểm tra giữa kỳ;

- Các kiểm tra khác; . . .

7.3. Thi cuối kỳ: chiếm 70% (Thi tự luận, 90 phút).

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

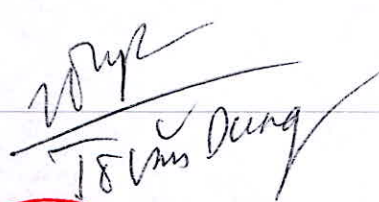
- Kiểm tra giữa kỳ:
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

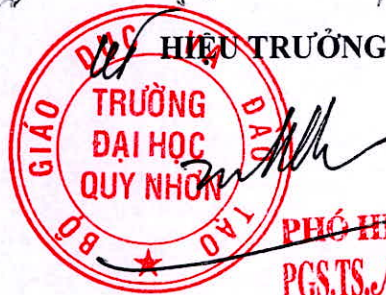

Lê Công Hành

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Lê Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: VỆ SINH, DINH DƯỠNG VÀ PHÒNG BỆNH

Mã học phần: 1110192

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Vệ sinh, dinh dưỡng và phòng bệnh
- Mã học phần: 1110192 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học trẻ em
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 45
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thí nghiệm:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục tiểu học & Mầm non/Tổ Khoa học tự nhiên.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về vệ sinh, chăm sóc trẻ, về chế độ dinh dưỡng hợp lý cũng như cách phòng, chống các bệnh liên quan đến dinh dưỡng ở trẻ.
- Kỹ năng: Phát triển các kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát

hóa... từ kiến thức vệ sinh, dinh dưỡng và phòng chống các bệnh liên quan đến dinh dưỡng để áp dụng vào công tác chăm sóc và nuôi dạy trẻ.

- Thái độ: Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập, phát huy năng lực cá nhân; từ đó chủ động vận dụng kiến thức của môn học vào thực tiễn.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

Sinh viên nắm được khái niệm vệ sinh chăm sóc trẻ, khái niệm thức ăn, chất dinh dưỡng, khẩu phần ăn và thực đơn; biết được những tiêu chuẩn của một khẩu phần ăn cân đối, hợp lý; tính toán và xây dựng thực đơn cho trẻ; phân tích những nguyên nhân và biểu hiện của các bệnh liên quan đến dinh dưỡng từ đó đề ra các biện pháp phòng, chống bệnh.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Vệ sinh môi trường, vệ sinh chăm sóc trẻ; các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể; thức ăn, dinh dưỡng và năng lượng, khẩu phần ăn và xây dựng thực đơn cho trẻ; vệ sinh ăn uống, vệ sinh thực phẩm; các bệnh do dinh dưỡng không hợp lý.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chủ đề	Số tiết
	LT
Chương 1. Vệ sinh chăm sóc trẻ mầm non	10
1.1. Vệ sinh môi trường	2
1.1.1. Môi trường không khí	
1.1.2. Môi trường nước	
1.1.3. Môi trường đất	
1.2. Vệ sinh trường mầm non	2
1.3. Vệ sinh thân thể cho trẻ	6
1.3.1. Khái niệm vệ sinh thân thể cho trẻ	
1.3.2. Nội dung vệ sinh thân thể cho trẻ	
Chương 2. Các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể	5
2.1. Protein	2
2.2. Lipit	

2.3. Gluxit	
2.4. Chất xơ	3
2.5. Vitamin	
2.5.1. Vitamin A	
2.5.2. Vitamin D	
2.5.3. Vitamin B ₁	
2.5.4. Vitamin B ₂	
2.5.5. Vitamin PP	
2.5.6. Vitamin C	
2.6. Các chất khoáng	
2.7. Nước	
Chương 3. Thức ăn, dinh dưỡng và năng lượng	4
3.1. Thức ăn – Dinh dưỡng	2
3.1.1. Khái niệm thức ăn	
3.1.2. Khái niệm chất dinh dưỡng	
3.1.3. Phân loại thức ăn dựa vào thành phần dinh dưỡng	
3.2. Năng lượng	1
3.2.1. Khái niệm	
3.2.2. Đơn vị đo của năng lượng	
3.3. Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng ở trẻ em	1
Chương 4: Khẩu phần ăn và xây dựng thực đơn cho trẻ	4
4.1. Khái niệm tiêu chuẩn và khẩu phần	1
4.2. Các yêu cầu đảm bảo tính khoa học của khẩu phần	
4.2.1. Đảm bảo sự cân đối về dinh dưỡng	
4.2.2. Đảm bảo đa dạng thức ăn	
4.2.3. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm	
4.3. Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn	2
4.4. Thực đơn	1
4.4.1. Định nghĩa	
4.4.2. Các nguyên tắc xây dựng thực đơn	
4.4.3. Thực đơn mẫu	
4.5. Chế độ ăn	

Chương 5. Vệ sinh ăn uống, vệ sinh thực phẩm	3
5.1. Vệ sinh ăn uống	1
5.2. Vệ sinh thực phẩm	1
5.3. Vệ sinh nguồn nước	1
5.4. Vệ sinh nhà bếp và dụng cụ bếp	
5.5. Vệ sinh nhân viên làm bếp và cô giáo cho trẻ ăn	
Chương 6. Bệnh do dinh dưỡng không hợp lý	4
6.1. Khái niệm bệnh do dinh dưỡng không hợp lý	1
6.2. Một số bệnh do dinh dưỡng không hợp lý	3
6.2.1. Bệnh suy dinh dưỡng do thiếu protein năng lượng	
6.2.2. Bệnh béo phì	
6.2.3. Bệnh do thiếu vitamin A	
6.2.4. Bệnh do thiếu vitamin D	
6.2.5. Bệnh thiếu máu do thiếu sắt	
Chương 7. Phòng bệnh cho trẻ	15
7.1. Các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ	10
7.1.1. Đại cương về bệnh trẻ em	
7.1.2. Các bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa	
7.1.3. Các bệnh lây truyền qua đường hô hấp	
7.1.4. Các bệnh lây truyền qua đường máu	
7.1.5. Các bệnh lây truyền qua da và niêm mạc	
7.2. Các bệnh thường gặp khác	5
7.3. Một số cấp cứu và tai nạn thường gặp ở trẻ	

5. **Phương pháp, hình thức giảng dạy:** Thuyết trình, trình chiếu.

6. **Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- **Giáo trình:**

[1] *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em*

Lê Thị Mai Hoa – Nxb Đại học Sư Phạm

[2] *Phương pháp chăm sóc, vệ sinh trẻ em*

Hoàng Thị Phương – Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2011.

[3] *Phòng bệnh cho trẻ mầm non*

Phạm Thị Nhuận – Nxb Giáo dục, 2009

[4] *Dinh dưỡng trẻ em*

Nguyễn Kim Thanh – Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009

- Sách tham khảo:

[1] *Dinh dưỡng học và những bệnh dinh dưỡng thông thường*

Vũ Ngọc Ruần – Nxb Đại học quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, 2005

[2] *Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em*

Phan Thị Yên, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. Chuyên cần: 10% (Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu).

7.2. Giữa kỳ: 20% (Làm bài kiểm tra tự luận ở lớp)

7.3. Thi cuối kỳ: 70% (Làm bài thi tự luận, 120 phút)


7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:

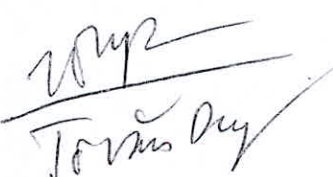
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

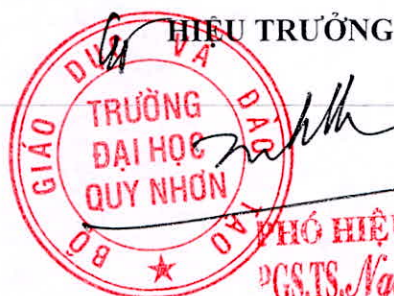

Nguyễn Thị Thọ

TRƯỞNG BỘ MÔN


Tô Văn Duy

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: SINH LÝ HỌC TRẺ EM

Mã học phần: 1110072

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Sinh lý học trẻ em
- Mã học phần: 1110072 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30
 - + Bài tập:
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN, Bộ môn: KHTN

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Giúp sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người nói chung và trẻ em ở lứa tuổi Mầm non nói riêng để có biện pháp chăm sóc, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ hợp lý.

- Học phần là cơ sở cho các học phần Giáo dục học, Tâm lý học, Vệ sinh dinh dưỡng và phòng bệnh cho trẻ và một số học phần về phương pháp dạy học ở những năm học sau.

- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tự nghiên cứu và biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cấu tạo, chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người và trẻ em mầm non. Biết sử dụng biểu đồ tăng

trường để đánh giá sức khỏe cho trẻ mầm non. Nắm được cơ sở khoa học để sau khi tốt nghiệp có những kiến thức cơ bản về cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên nắm được các giai đoạn phát triển của cơ thể người nói chung và trẻ em mầm non nói riêng. Đặc điểm cấu tạo và chức năng, mức độ cấu trúc của cơ thể của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể như: Hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, hệ nội tiết và sự trao đổi chất và năng lượng ở cơ thể trẻ em.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Số tiết	
	LT	BT
Bài mở đầu	1	
0.1. Khái niệm giải phẫu và sinh lý trẻ em		
0.2. Tầm quan trọng của môn học		
Bài 1. Giới thiệu chung về cơ thể người	3	
1.1. Tế bào – đơn vị cấu tạo và chức năng và di truyền của cơ thể sống		
1.2. Sự sinh trưởng và phát triển ở trẻ em		
1.2.1. Khái niệm sinh trưởng và phát triển		
1.2.2. Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở trẻ		
1.3. Các mức độ cấu trúc cơ thể người.		
1.4. Đánh giá sự phát triển thể chất ở trẻ mầm non		
Bài 2. Hệ vận động	2	
2.1. Vai trò của hệ vận động		
2.2. Cấu tạo của hệ vận động		
2.2.1. Cấu tạo hệ xương		
2.2.2. Cấu tạo và hoạt động của hệ cơ		
2.3. Đặc điểm hệ vận động ở trẻ em mầm non.		
Bài 3. Hệ tiêu hóa	2	
3.1. Khái niệm và vai trò của hệ tiêu hóa		

3.2. Cấu tạo của hệ tiêu hóa		
3.3. Đặc điểm hệ tiêu hóa ở trẻ em mầm non.		
Bài 4. Hệ hô hấp	3	
4.1. Khái niệm và vai trò của hệ hô hấp		
4.2. Cấu tạo hệ hô hấp ở trẻ em		
4.3. Đặc điểm hệ hô hấp ở trẻ em mầm non.		
4.4. Cơ chế điều hòa hoạt động hô hấp		
Bài 5. Hệ tuần hoàn	4	
5.1. Máu		
5.1.1. Vai trò của máu		
5.1.2. Thành phần của máu		
5.1.3. Một số tính chất của máu		
5.2. Hệ tuần hoàn		
5.2.1. Cấu tạo và hoạt động của tim và hệ mạch		
5.2.2. Hệ tuần hoàn người		
5.3. Huyết áp		
5.4. Hệ bạch huyết		
Bài 6. Hệ Bài tiết	3	
6.1. Khái niệm và vai trò của hệ bài tiết		
6.2. Cấu tạo và hoạt động của con đường bài tiết qua thận		
6.3. Cấu tạo và hoạt động của con đường bài tiết qua da		
6.4. Đặc điểm hệ bài tiết ở trẻ em mầm non.		
Bài 7. Hệ Thần kinh	4	
7.1. Vai trò của hệ thần kinh		
7.2. Cấu tạo của hệ thần kinh		
7.2.1. Noron - đơn vị cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh		
7.2.2. Các phân của hệ thần kinh người		
7.3. Các loại hình thần kinh ở trẻ		
7.4. Ngũ - nhu cầu sinh lý của hệ thần kinh		
Bài 8. Cơ quan phân tích	3	
8.1. Khái niệm		

8.2. Các cơ quan phân tích		
8.2.1. Cơ quan phân tích thị giác		
8.2.2. Cơ quan phân tích thính giác		
8.2.3. Cơ quan phân tích vị-khứu- xúc giác		
Bài 9. Sự trao đổi chất – năng lượng và điều hòa thân nhiệt	3	
9.1. Khái niệm và vai trò của sự trao đổi chất		
9.2. Sự trao đổi các chất		
9.3. Sự trao đổi năng lượng		
9.4. Sự điều hòa thân nhiệt		
Bài 10. Hệ nội tiết	2	
10.1. Khái niệm		
10.2. Các tuyến nội tiết trong cơ thể		
10.3. Cơ chế điều hòa hoạt động nội tiết		

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

- Sách Giáo khoa môn Tự nhiên - xã hội.
- Sách tham khảo:

[1] *Giáo trình Sinh lý học trẻ em*

Tạ Thúy Lan (chủ biên), Nxb Giáo dục, 2010.

[2] *Giáo trình Giải phẫu, Sinh lý người và động vật*

Võ Văn Toàn (chủ biên), Nxb GDVN, 2013.

[3] *Sinh lý học người và động vật (2 tập)*

Trịnh Hữu Hằng (chủ biên), Nxb ĐHQG Hà Nội, 2006.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. Chuyên cần: 10% (Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu).

7.2. Giữa kỳ: 20% (Làm bài kiểm tra tự luận ở lớp)

7.3. Thi cuối kỳ: 70% (Làm bài thi tự luận, 90 phút)

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm 2015

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Loan
Nguyễn Chi Tuyết Loan

TRƯỞNG BỘ MÔN

Tô Văn Duyệt
Tô Văn Duyệt

TRƯỞNG KHOA

Lê Văn Đức
ThS. Lê Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 3
HỌC PHẦN: SINH LÝ HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO Ở TRẺ
MÃ HỌC PHẦN: 1110213

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CD SINH LÝ HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO Ở TRẺ
- Mã học phần: 1110213 Số tín chỉ: 02
- Dùng cho ngành: GDTH và GDMN Khóa: K.38 (2015 - 2019)
- Điều kiện tiên quyết: học phần Sinh lý trẻ em
- Các yêu cầu khác đối với học phần:
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30
 - + Thực hành:
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục tiểu học & Mầm non/Tổ Khoa học tự nhiên.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được các hoạt động và quy luật hoạt động của thần kinh cấp cao ở trẻ. Từ đó hiểu biết về khả năng nhớ và tư duy của trẻ.
- Kỹ năng: Rèn luyện người học khả năng tư duy trừu tượng, khái quát hóa.
- Giáo dục: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động phản xạ của não bộ. Sự ức chế phản xạ có điều kiện. Học thuyết hoạt động thần kinh cấp cao của Paplov. Sự hình thành và phát triển các hệ thống tín ở trẻ và cơ sở của trí nhớ, tư duy ở trẻ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Giúp sinh viên nắm được hoạt động thần kinh cấp cao gồm có phản xạ có điều kiện và hệ thống tín hiệu 2 ở trẻ.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
	30	
Bài 1. Lịch sử nghiên cứu về hoạt động thần kinh cấp cao		
1.Các hướng nghiên cứu về hoạt động thần kinh cấp cao		
2.Học thuyết của Paplov về hoạt động phản xạ	5	
3.Thuyết hệ thống chức năng của Anokhin		
Bài 2. Hoạt động phản xạ ở não bộ	7	
1.Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện		
2.Ức chế của phản xạ có điều kiện		
2.1. Ức chế ngoài		
2.2. Ức chế trong		
Bài 2. Các quy luật của hoạt động thần kinh cấp cao	8	
1.Quy luật chuyển từ hưng phấn sang ức chế		
2.Quy luật lan tỏa và tập trung		
3.Quy luật cảm ứng qua lại.		
4.Quy luật tính hệ thống.		
5.Quy luật về mối tương quan giữa cường độ kích thích với cường độ phản xạ có điều kiện		
Bài 3. Các hệ thống tín hiệu.	5	
1.Hệ thống tín hiệu thứ nhất		
2.Hệ thống tín hiệu thứ 2		
3.Những đặc điểm cơ bản trong hoạt động của vỏ não		
4.Các loại hình thần kinh ở động vật		
5.Các loại hình thần kinh ở người lớn và trẻ em.		
Bài 4. Trí nhớ	5	

1. Lịch sử nghiên cứu trí nhớ		
2. Trí nhớ là gì ? Phân loại trí nhớ		
3. Sự khu trú của trí nhớ.		
4. Cơ chế và cách phát triển trí nhớ cho trẻ.		

5. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- Sinh lý học thần kinh, tập 1 – Tạ Thúy Lan- NXB Đại học Sư phạm 2002.
- Giáo trình Sinh lý học trẻ em – Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan – NXB ĐH Sư phạm 2010.

6. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

- 6.1. Chuyên cần: 10%
- 6.2. Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- 6.3. Thi cuối kỳ: 70%

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

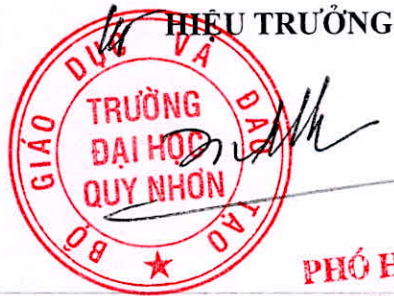
Loan
Nguyễn Thị Thúy Loan

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trần Văn Dũng
Trần Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Lê Văn Đức
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TOÁN CƠ SỞ 3

Mã học phần: 1110092

Tên tiếng Anh: Mathematics 3

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Toán cơ sở 3.
- Mã học phần: 1110092 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Toán cơ sở 1.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 03 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN, Bộ môn: KHTN.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tập số tự nhiên: cách xây dựng, tính chất và mối liên hệ giữa các số tự nhiên trong hệ thập phân và hệ g- phân.
- Với khối lượng kiến thức tích lũy này, sinh viên có năng lực chuyên sâu về toán học có thể học tiếp chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục Mầm non.
- Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập đồng thời phát huy năng lực cá nhân, từ đó chủ động vận dụng toán học vào thực tiễn giáo dục.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- §1. Tập số tự nhiên N
- §2. Quan hệ chia hết
- §3. Ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất
- §4. Số nguyên tố
- §5. Ghi số và các dấu hiệu chia hết

3. Tóm tắt nội dung học phần:

- Định nghĩa, quan hệ thứ tự và các phép toán trên tập số tự nhiên N .
- Các khái niệm và một số tính chất về phép chia hết, phép chia có dư; ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất; số nguyên tố; biểu diễn một số tự nhiên và thực hành các phép tính trong hệ g - phân.

4. Nội dung chi tiết học phần:

1. Tập số tự nhiên N

- Tập hợp cùng lực lượng: định nghĩa và các tính chất
- Tập hữu hạn, tập vô hạn
- Quan hệ thứ tự và các phép toán trong N

2. Quan hệ chia hết

- Định nghĩa và các tính chất về phép chia hết
- Định nghĩa phép chia có dư

3. Ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất

- Định nghĩa ước chung, tập các ước chung, ước chung lớn nhất
- Thuật toán Euclide
- Các tính chất của ước chung lớn nhất
- Định nghĩa bội chung, tập các bội chung, bội chung nhỏ nhất
- Các tính chất của bội chung nhỏ nhất

4. Số nguyên tố

- Định nghĩa số nguyên tố, hợp số
- Tập hợp số nguyên tố
- Sàng Eratosthen
- Định lý cơ bản của số học và một số ứng dụng

5. Hệ ghi số g - phân

- Biểu diễn một số tự nhiên trong hệ g - phân
- Đổi cơ số
- So sánh các số trong hệ g - phân
- Thực hành các phép tính trong hệ g - phân
- Một số dấu hiệu chia hết trong hệ thập phân.

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

- Bài giảng.
- Saùch tham khaùu:

[1] *Giáo trình Lý thuyết số*

Trần Diên Hiên, Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Văn Ngọc - Nxb GD, 1997..

[2] *Chuyên đề bồi dưỡng số học THPT*

Hà Huy Khoái - Nxb GD, 2006.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1 Chuyên cần: 10% - Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu.

7.2 Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Làm bài kiểm tra viết trên lớp.

7.3 Thi cuối kỳ: 70% - Làm bài thi viết trên lớp 90 phút.

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

khac

Đào Ngọc Hân

WY2
T. Văn Dũng

Đ.Đ
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 3
HỌC PHẦN: TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG NHẬN BIẾT VỀ CON SỐ VÀ CÁC
MỐI QUAN HỆ SỐ LƯỢNG

Mã học phần: 1110210

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tăng cường khả năng nhận biết về con số và các mối quan hệ số lượng.

- Mã học phần: 1110210

Số tín chỉ: 2

- Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Toán cơ sở 1, 2, 3; PPHTBT Toán 1, 2.

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 20

+ Làm bài tập trên lớp: 10

+ Thảo luận:

+ Thực hành, thí nghiệm:

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học:

- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN/ Bộ môn: KHTN.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về sự hình thành khái niệm số học ở trẻ mầm non; một số hoạt động để trẻ nhận biết về con số và các mối quan hệ số lượng.

- Kỹ năng: Dựa trên những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể tự thiết kế những hoạt động phù hợp với nhu cầu giảng dạy.

- Thái độ: Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập, phát huy năng lực cá nhân; hứng thú với vẻ đẹp của toán học, từ đó chủ động vận dụng toán học vào thực tiễn giáo dục.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Sinh viên nắm được sự hình thành khái niệm số ở trẻ mầm non thông qua phép đếm và các mối quan hệ số lượng: nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau; một số hoạt động giúp trẻ nhận biết về con số và các mối quan hệ số lượng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sự hình thành khái niệm về số ở trẻ mầm non: phép đếm và các mối quan hệ số lượng; định hướng một số hoạt động giúp trẻ nhận biết về con số và các mối quan hệ số lượng.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Sự hình thành khái niệm về số học ở trẻ mầm non

1.1. Phép đếm

1.1.1. Các cách hình thành kỹ năng đếm cho trẻ mầm non

1.1.2. Ý nghĩa của việc đếm

1.2. Các mối quan hệ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.

1.2.1. Cách trẻ so sánh số lượng của các nhóm vật

1.2.2. Khái niệm nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau ở trẻ mầm non.

Chương 2: Một số hoạt động nhằm tăng cường khả năng nhận biết về con số

2.1. Viết, nhận biết và ghi nhớ chữ số

2.2. Các hoạt động đếm số

2.2.1. Đếm thuộc lòng (đếm vệt)

2.2.2. Đếm tập hợp

2.3. Dạy trẻ kí hiệu về các mối quan hệ số lượng

Chương 3: Một số hoạt động nhằm tăng cường khả năng nhận biết về các mối quan hệ số lượng

3.1. Mối quan hệ so sánh

3.1.1. Nhiều hơn, ít hơn và bằng nhau

3.1.2. Hơn kém nhau 1 hoặc 2 đơn vị

3.1.3. Mối quan hệ với các số 5 và 10

3.1.4. So sánh các số có nhiều chữ số

3.2. Mối quan hệ giữa tổng thể - bộ phận

- 3.2.1. Tách một số có một chữ số
- 3.2.2. Tách một số có nhiều chữ số
- 3.2.3. Mối quan hệ so với 1

3.3. Mối quan hệ với cơ sở 10

- 3.3.1. Gộp thành đơn vị
- 3.3.2. Dãy số
- 3.3.3. Đặt giá trị

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Thuyết trình, trình chiếu.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

- Bài giảng.
- Saùch tham khảo:

[1] Đỗ Thị Minh Liên (2005), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

[2] Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Nguyễn Duy Thuận, Trịnh Minh Loan (2002), *Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán*. NXBGD Hà Nội.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1 Chuyên cần: 10% - Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu.

7.2 Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Làm bài kiểm tra viết trên lớp.

7.3 Thi cuối kỳ: 70% - Làm bài thi viết trên lớp 60 phút.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

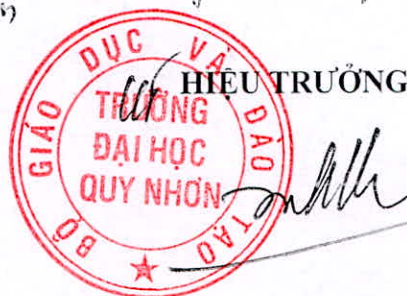
Nhae
Đào Ngọc Hân

TRƯỞNG BỘ MÔN

Wuy
Trần Duy

TRƯỞNG KHOA

Đ.Đ
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 3
HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CNTT TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

Mã học phần: 1110209

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần : ỨNG DỤNG CNTT TRONG GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã học phần: 1110209 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Tin học đại cương.
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thí nghiệm: 30
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Khoa/ bộ môn phụ trách: Khoa GDTH - MN/ tổ khoa học tự nhiên

2. Mục tiêu của học phần:

2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học hiện đại và các phần mềm ứng dụng trên máy tính và nắm được những nguyên tắc nguyên cứu, thiết kế mẫu thiết bị dạy học .
- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần đổi mới các yếu tố trong hệ thống phương pháp dạy học và pháp huy được sự sáng tạo trong dạy học mầm non.

- Thái độ: Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập, phát huy tính sáng tạo từ đó chủ động vận dụng vào các bài toán thực tiễn.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- Sinh viên rèn luyện tốt năng lực sáng tạo, rèn luyện phương pháp nghiên cứu trong học tập và khai thác thích hợp công nghệ thông tin (trong đó có phần mềm dạy học) và truyền thông để có thể tạo ra những đổi mới trong dạy học.

- Giúp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về phần mềm dạy học ở mầm non và các ứng dụng của môn học ở mầm non và các cấp bậc cao hơn.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Các phương tiện kỹ thuật dạy học và cá thiết bị dạy học mới có ứng dụng CNTT và truyền thông (Internet).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống phương pháp dạy học: Quy trình thiết kế bài giảng bằng Powerpoint trong dạy học mầm non.

4. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Chủ đề	Số tiết
1	Tiểu modul 1: Phương tiện kỹ thuật dùng trong dạy học Chủ đề 1. Phương tiện dạy học Chủ đề 2. Phân loại phương tiện kỹ thuật dạy học cơ bản Chủ đề 3. Các nguyên tắc sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học Chủ đề 4. Chuẩn bị tiết học có sử dụng phương tiện kỹ thuật	8LT
2	Tiểu modul 2: Hệ thống hóa một số kiến thức, kỹ năng trình diễn. Chủ đề 1. Phần mềm trình diễn Microsoft Powerpoint Chủ đề 2. Đồ họa trên máy tính Chủ đề 3. Giới thiệu phần mềm tạo tập tin phim ảnh và tạo đĩa CD (VCD/DVD): Proshow Gold.	8LT 15 TH
3	Tiểu modul 3: Một số ứng dụng CNTT trong dạy học ở mầm non Chủ đề 1. Giới thiệu phần mềm Herosoft Chủ đề 2. Sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học ở mầm non	5LT 15 TH

	<p><i>Chủ đề 3. Mạng Internet- Tìm kiếm và khai thác thông tin</i></p> <p><i>Chủ đề 4. Gửi và nhận thư điện tử</i></p>	
--	--	--

5. **Phương pháp, hình thức giảng dạy:** Thuyết trình, mô phỏng trên đèn chiếu.

6. **Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Bài giảng *Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non*

- Sách tham khảo:

[1] *Powerpoint*

Đặng Minh Hoàng - Nxb Thống kê, 2002.

[2] *Giáo trình tin học đại cương*

Hoàng Kiếm, Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng - Nxb Giáo dục.

7. **Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

7.1. **Chuyên cần:** 10% (Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu).

7.2. **Giữa kỳ:** 20% (Làm bài kiểm tra tự luận ở lớp)

7.3. **Thi cuối kỳ:** 70% (Làm bài thi tự luận, 90 phút)

7.4. **Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kỳ:

- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

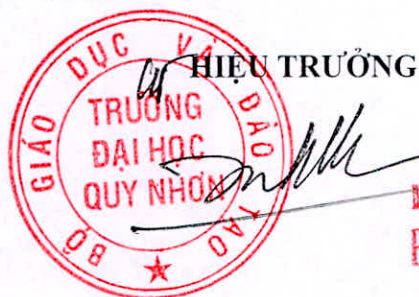
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Hue
Võ Văn Hiệp

Wuy
Trần Văn Duy

Đức
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiến

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 3**

HỌC PHẦN: Phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non

Mã học phần: 1110211

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần : Phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non
- Mã học phần: 1110211 Số tín chỉ: 02
- Dành cho ngành: GDMN Khóa: K.38 (2015 – 2019)
- Loại học phần :
- Các học phần tiên quyết: Phương Hình thành biểu tượng toán cho trẻ 1,2.
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): *Dạy ghép với nội dung kiến thức khác (khám phá toán học ở trẻ) và xây dựng các trò chơi toán học ở trẻ.*
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20
 - + Làm bài tập trên lớp: 10
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thí nghiệm:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Khoa/ bộ môn phụ trách: Khoa GDTH/ tổ khoa học tự nhiên

2. Mục tiêu của học phần:

2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- *Kiến thức: Giúp cho sinh viên nhận thức được vị trí và vai trò của tư duy toán học của trẻ. Hiểu được đại cương về quan niệm về tư duy toán học.*
- *Kỹ năng: Hình thành những thao tác cho việc rèn luyện khả năng tư duy toán cho trẻ. Giúp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các chuyên đề như sơ đồ tư duy (mind map), kỹ thuật tư duy "6 chiếc mũ tư duy" (6 thinking hats) và kỹ thuật "tập kích não" (Brainstorming)..*

- Thái độ: Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập, phát huy tính sáng tạo từ đó chủ động vận dụng vào các bài toán thực tiễn.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- Những kiến thức cơ bản và xây dựng những bài trắc nghiệm kiểm tra chỉ số I.Q của trẻ để định hướng năng lực nổi trội của trẻ để lựa chọn môn học, sinh hoạt học đường sau này của trẻ trong các cấp bậc học tiếp theo của trẻ..

- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các chuyên đề như sơ đồ tư duy (mind map), kỹ thuật tư duy “6 chiếc mũ tư duy” (6 thinking hats) và kỹ thuật “tập kích não” (Brainstorming)..

- Thái độ: Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập, phát huy tính sáng tạo từ đó chủ động vận dụng vào các bài toán thực tiễn.

3.Tóm tắt nội dung học phần

Cấu trúc chương trình phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ.

- Cách đo tư duy toán học và ý nghĩa của tư duy toán học.

- Lựa chọn, sử dụng, khai thác và phát triển các kỹ thuật tư duy để hình thành năng lực tư duy toán cho trẻ trong các cấp bậc học về sau..

4.Nội dung chi tiết học phần:

Chủ đề	LT	BT
Chủ đề 1: Tư duy toán học là gì	5	5
1. Tư duy toán học biểu hiện ở các phương diện khác. 2. Hai quan niệm quan trọng. 3. Học thuyết về các khả năng tâm trí cơ bản.		
Chủ đề 2: Đo lường tư duy toán học	5	5
1. Xây dựng một bài trắc nghiệm tốt 2. Các loại trắc nghiệm tư duy toán cho trẻ. 3. Trắc nghiệm các khả năng tâm trí cơ bản. 4. Làm thế nào giúp đỡ trẻ phát triển tư duy toán.		
Chủ đề 3 Một số phương pháp tư duy toán	5	5
1. Sơ đồ tư duy (mindmap). 2. Kỹ thuật tư duy “6 chiếc mũ” (Six thinking hat).		

3. Tập kích não (Brainstorming).		
----------------------------------	--	--

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Sách giáo khoa hình thành biểu tượng toán cho trẻ
- Sách tham khảo
- Hứa Mộng – 1991 – Phương pháp phát triển trí tuệ - NXB Thông tin
- Alfred W. Munzert – 2003 – Trắc nghiệm trí thông minh – NXB Trẻ
- Omizumi Kagayaki – 1991 – Phương pháp luyện trí não – NXB Thông tin.
- Các tạp chí khoa học

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

- 7.1 Chuyên cần: 10%
- 7.2 Giữa kỳ: 20%
- 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Hue
Võ Văn Hiệp

TRƯỞNG BỘ MÔN

WMP
Trần Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Đức
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PP GIÚP TRẺ KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Mã học phần: 1110201

**Tên tiếng Anh: LIFE SKILLS EDUCATION FOR ELEMENTARY SCHOOL
STUDENT**

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh.
- Mã học phần: 1110201 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Con người và môi trường; Sinh lý học trẻ em; Cở sở Tự nhiên và Xã hội; Vệ sinh, dinh dưỡng và phòng bệnh.
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Thực hành, thí nghiệm: 20 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH & MN/ Bộ môn: KHTN.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

- Cung cấp cho SV những kiến thức về phương pháp cho trẻ khám phá MTXQ một cách có hệ thống và khoa học.
- Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ thông qua các hoạt động: vui chơi, hoạt động, lao động và sinh hoạt.
- Giáo dục lòng yêu thích bộ môn, yêu thiên nhiên, đất nước, thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường sống xung quanh.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

Giúp cho sinh viên xác định được đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, nguyên tắc, cấu trúc nội dung, phương pháp – biện pháp, các hình thức tổ chức, phương tiện giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh; có kỹ năng lựa chọn và sử dụng phối hợp các

phương pháp – biện pháp, phương tiện trực quan trong quá trình tổ chức hoạt động khám phá MTXQ; có kỹ năng lập kế hoạch chương trình và lập kế hoạch hoạt động khám phá MTXQ. Từ đó đánh giá hiệu quả hoạt động khám phá MTXQ ở trường mầm non.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

- Chương 1: Những vấn đề chung của bộ môn Phương pháp giúp trẻ khám phá MTXQ.
- Chương 2: Nội dung cho trẻ khám phá MTXQ.
- Chương 3: Các phương pháp và biện pháp hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ.
- Chương 4: Các hình thức cho trẻ khám phá MTXQ.
- Chương 5: Các phương tiện và cách lập kế hoạch, đánh giá hoạt động khám phá MTXQ của trẻ mầm non.
- Phần thực hành: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

4. Nội dung chi tiết học phần:

- Chương 1: Những vấn đề chung của bộ môn Phương pháp giúp trẻ khám phá MTXQ.
 - 1.1. Khái niệm chung về phương pháp giúp trẻ khám phá MTXQ ở trường mầm non.
 - 1.2. Lịch sử phát triển môn học.
 - 1.3. Trẻ em và MTXQ.
 - 1.4. Mục đích và nhiệm vụ cho trẻ khám phá MTXQ.
 - 1.5. Các nguyên tắc cho trẻ khám phá MTXQ.
- Chương 2: Nội dung cho trẻ khám phá MTXQ.
 - 2.1. Từ 0 – 1 tuổi.
 - 2.2. Từ 1 – 2 tuổi.
 - 2.3. Từ 2 – 3 tuổi.
 - 2.4. Từ 3 – 4 tuổi.
 - 2.5. Từ 4 – 5 tuổi.
 - 2.6. Từ 5 – 6 tuổi.
- Chương 3: Các phương pháp và biện pháp hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ.
 - 3.1. Nhóm phương pháp, biện pháp trực quan.
 - 3.2. Nhóm phương pháp, biện pháp dùng lời nói.
 - 3.3. Nhóm phương pháp, biện pháp thực hành.

3.4. Sự phối hợp các phương pháp và biện pháp khám phá MTXQ.

- Chương 4: Các hình thức cho trẻ khám phá MTXQ.

4.1. Một số hình thức ngoài tiết học.

4.2. Một số hình thức tiết học.

4.3. Sự phối hợp các hình thức cho trẻ khám phá MTXQ.

- Chương 5: Các phương tiện và cách lập kế hoạch, đánh giá hoạt động khám phá MTXQ của trẻ mầm non.

5.1. Các nguyên tắc lựa chọn phương tiện giúp trẻ khám phá MTXQ.

5.2. Các phương tiện giúp trẻ khám phá MTXQ.

5.3. Phối hợp các phương tiện giúp trẻ khám phá MTXQ.

5.4. Lập kế hoạch hoạt động giúp trẻ khám phá MTXQ.

5.5. Đánh giá hoạt động giúp trẻ khám phá MTXQ.

- Phần thực hành: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giúp trẻ khám phá MTXQ.

1.1. Chủ đề 1: Trường mầm non.

1.2. Chủ đề 2: Bản thân.

1.3. Chủ đề 3: Gia đình.

1.4. Chủ đề 4: Nghề nghiệp.

1.5. Chủ đề 5: Thế giới thực vật xung quanh.

1.6. Chủ đề 6: Thế giới động vật.

1.7. Chủ đề 7: Nước và một số hiện tượng tự nhiên.

1.8. Chủ đề 8: Giao thông.

1.9. Chủ đề 9: Quê hương – đất nước.

1.10. Chủ đề 10: Trường Tiểu học.

5. Phương pháp hình thức giảng dạy: Lý thuyết- diễn giảng; hoặc thuyết trình, thảo luận kết hợp trình chiếu powerpoint.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

[1] *Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*

Hoàng Thị Phương - Nxb Đại học Sư phạm, 2008.

[2] *Giáo trình phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh*

Lê Thị Ninh - Nxb Đại học Sư phạm, 2006.

[3] *Giáo trình Phương pháp cho trẻ làm quen với MTXQ*

Nguyễn Thị Thu Hạnh - Trường Đại học Vinh, 2011

[4] *Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ*

Trần Thị Thanh - Nxb GD, 1997.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra-đánh giá kết quả học tập:

7.1 Chuyên cần: 10% - Tham gia học tập trên lớp

7.2 Giữa kỳ: 20%

- Điểm đánh giá khối lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/ tuần; bài tập nhóm/ tháng; bài tập cá nhân/ học kì ...).

- Kiểm tra giữa kỳ

7.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%

- Hình thức thi: tự luận

- Thời lượng thi: 90 phút

- Sinh viên không được tham khảo tài liệu

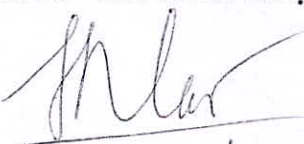
7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:

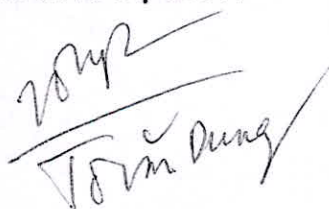
- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

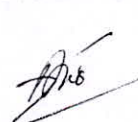
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Võ Thị Tuyết Mai

TRƯỞNG BỘ MÔN


Võ Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ 2

Mã học phần: 1110055

Tên Tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ 2.
- Mã học phần: 1110055 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ 1.
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa GD Tiểu học & Mầm non/Tổ Khoa học tự nhiên.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được mục đích, nội dung, các nguyên tắc, các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán phù hợp với khả năng và đặc điểm nhận thức của lứa tuổi trẻ. Qua đó, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm hiểu đối tượng trẻ, kỹ năng sưu tầm, lựa chọn, tự thiết kế và tổ chức các trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về đặc điểm phát triển những biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non như: đặc điểm phát triển những biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm, đặc điểm phát triển những biểu tượng về kích thước, hình dạng, sự định hướng trong không gian và định hướng thời gian của trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cụ thể về việc lập kế hoạch, thiết kế bài giảng về các hoạt động cho trẻ làm quen với toán, kế hoạch chuẩn bị và tiến hành từng hoạt động này.

- Góp phần bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức cho người giáo viên mầm non như : ý thức, trách nhiệm trong công việc, lòng yêu nghề mến trẻ, kiên trì, cẩn thận, chính xác... Thông qua việc học nội dung môn học, giúp sinh viên thấy rõ vị trí, vai trò của việc dạy trẻ những kiến thức, kỹ năng toán học đối với sự phát triển và giáo dục trẻ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ 2 gồm có 5 chương. Ở mỗi chương là một phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ được trình bày chi tiết về đặc điểm nhận thức, nội dung phương pháp và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ phù hợp với từng lứa tuổi trẻ kết hợp phân thực hành cách soạn giáo án và tập giảng cho từng nội dung. Cụ thể là 5 phương pháp sau: phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm; hình thành biểu tượng về kích thước; hình thành biểu tượng về hình dạng; hình thành sự định hướng trong không gian và sự định hướng về thời gian cho trẻ mầm non.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1. Phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm cho trẻ mầm non.	7	7
1.1. Đặc điểm nhận thức.	1	
1.1.1 Trẻ dưới 3 tuổi.		
1.1.2 Trẻ 3 – 4 tuổi.		
1.1.3 Trẻ 4 – 5 tuổi.		
1.1.4 Trẻ 5 – 6 tuổi.		
1.2. Nội dung hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm	1	
1.2.1. Trẻ 3 – 4 tuổi.		
1.2.2. Trẻ 4 – 5 tuổi.		

1.2.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.		
1.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm. 1.3.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 1.3.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 1.3.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	5	
1.4. Thực hành. 1.4.1. Hướng dẫn sinh viên cách soạn giáo án về số lượng, con số, phép đếm. 1.4.2. Tập dạy. 1.4.3. Rút kinh nghiệm.		7
Chương 2. Phương pháp hình thành các biểu tượng về kích thước.	7	7
2.1. Đặc điểm nhận thức. 2.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi. 2.1.2. Trẻ 3 – 4 tuổi. 2.1.3. Trẻ 4 – 5 tuổi. 2.1.4. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
2.2. Nội dung hình thành biểu tượng về kích thước. 2.2.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 2.2.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 2.2.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
2.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về kích thước. 2.3.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 2.3.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 2.3.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	5	
2.4. Thực hành. 2.4.1. Hướng dẫn sinh viên cách soạn giáo án phân kích thước. 2.4.2. Tập dạy. 2.4.3. Rút kinh nghiệm.		7
Chương 3. Phương pháp hình thành biểu tượng về hình dạng.	7	7

3.1. Đặc điểm nhận thức. 3.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi. 3.1.2. Trẻ 3 – 4 tuổi. 3.1.3. Trẻ 4 – 5 tuổi. 3.1.4. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
3.2. Nội dung hình thành biểu tượng về hình dạng. 2.2.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 2.2.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 2.2.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
3.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về hình dạng. 2.3.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 2.3.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 2.3.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	5	
3.4. Thực hành. 2.4.1. Hướng dẫn sinh viên cách soạn giáo án phần hình dạng. 2.4.2. Tập dạy. 2.4.3. Rút kinh nghiệm.		7
Chương 4. Phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng trong không gian.	6	6
4.1. Đặc điểm nhận thức. 4.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi. 4.1.2. Trẻ 3 – 4 tuổi. 4.1.3. Trẻ 4 – 5 tuổi. 4.1.4. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
4.2. Nội dung hình thành biểu tượng về định hướng trong không gian. 4.2.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 4.2.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 4.2.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
4.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng trong không gian. 4.3.1. Trẻ 3 – 4 tuổi.	4	

4.3.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 4.3.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.		
4.4. Thực hành. 4.4.1. Hướng dẫn sinh viên cách soạn giáo án phân định hướng trong không gian. 4.4.2. Tập dạy. 4.4.3. Rút kinh nghiệm.		6
Chương 5. Phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng thời gian.	3	3
5.1. Đặc điểm nhận thức. 5.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi. 5.1.2. Trẻ 3 – 4 tuổi. 5.1.3. Trẻ 4 – 5 tuổi. 5.1.4. Trẻ 5 – 6 tuổi.	1	
5.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng thời gian. 5.2.1. Trẻ 3 – 4 tuổi. 5.2.2. Trẻ 4 – 5 tuổi. 5.2.3. Trẻ 5 – 6 tuổi.	2	
5.3. Thực hành. 5.3.1. Hướng dẫn sinh viên cách soạn giáo án phân định hướng về thời gian. 5.3.2. Tập dạy. 5.3.3. Rút kinh nghiệm.		3

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Phương pháp thuyết trình, diễn giải, vấn đáp kết hợp thực hiện các bài tập thực hành vận dụng các lý thuyết đã được học vào việc soạn giáo án, tập dạy.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

- Tập bài giảng.
- Tài liệu tham khảo:

[1] *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán*

Đỗ Thị Minh Liên - Nxb Giáo dục, 2008.

[2] *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng Toán học cho trẻ mẫu giáo, Quyển 2*

Đinh Thị Nhung - Nxb ĐHQG Hà Nội, 2006.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phân:

7.1. Chuyên cần: 10% (Tham gia học trên lớp đầy đủ, có ý thức chuẩn bị bài tập và đọc tài liệu).

7.2. Giữa kỳ: 20% (Làm bài kiểm tra tự luận ở lớp)

7.3. Thi cuối kỳ: 70% (Làm bài thi tự luận, 120 phút)

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ:

- Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch năm học.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

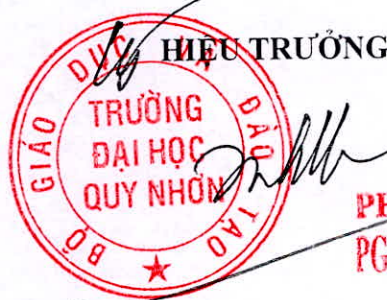
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Thao
Nguyễn Thị Phương Thảo

20/1/2017
Trần Đức

Đức
ThS. Lê Văn Đức



Đinh Hiền
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Mã học phần: 1110025

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM
- Mã học phần: 1110025 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 30
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thí nghiệm:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học: Theo quy định chung
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tổ KHXH, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Giúp sinh viên hiểu biết về văn hoá Việt Nam một cách có hệ thống, có phương pháp tiếp cận đối tượng phù hợp và tham gia tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

- Kiến thức: Nắm được khái niệm văn hoá, văn hoá Việt Nam; các quy luật vận động và thành tựu văn hoá Việt Nam; những đặc điểm có tính bản sắc của văn hoá Việt Nam;

- Kỹ năng: Biết nhận diện, phân tích và đánh giá các giá trị, hiện tượng của văn hoá Việt Nam;

- Thái độ: Tôn trọng, tự hào và có ý thức gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Trên cơ sở giới thuyết khái niệm văn hoá Việt Nam, học phần trình bày về hoàn cảnh phát triển, tiến trình vận động, hệ giá trị văn hoá truyền thống, định hướng phát huy văn hoá truyền thống trong bối cảnh xây dựng xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái niệm văn hoá

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Những đặc trưng cơ bản của văn hoá
- 1.3. Những chức năng cơ bản của văn hoá
- 1.4. Cấu trúc và quy luật vận động của nền văn hoá

Chương 2: Chủ thể văn hoá Việt Nam

- 2.1. Sự hình thành cộng đồng dân tộc Việt Nam
- 2.2. Hoàn cảnh sáng tạo văn hoá của con người Việt Nam

Chương 3: Tiến trình văn hoá Việt Nam

- 3.1. Các thời kì phát triển của văn hoá Việt Nam
- 3.2. Hai quy luật vận động cơ bản của văn hoá Việt Nam

Chương 4: Di sản văn hoá Việt Nam

- 4.1. Khái quát về di sản văn hoá Việt Nam
- 4.2. Một số di sản tiêu biểu

Chương 5: Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

- 5.1. Con đường phát triển của văn hoá Việt Nam thời kì hiện đại
- 5.2. Vấn đề bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc và tiếp nhận văn hoá thế giới

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

- Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận;
- Sử dụng băng hình, thực tế.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

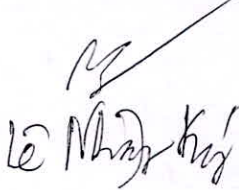
- [1]. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Trường ĐHKHXH &NV TP.HCM, 1997.
- [2]. Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [3]. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương* (tái bản), Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, 1998.
- [4]. Viện Văn hoá, *Hỏi và đáp về văn hoá Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

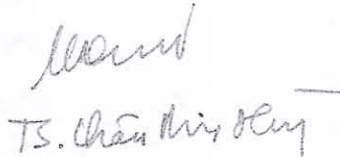
- 7.1. Chuyên cần: 10%
- 7.2. Giữa kì: 20%
- 7.3. Thi cuối kì: 70%
- 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:
- Kiểm tra giữa kì
 - Thi cuối kì.

Bình Định, ngàythángnăm 2015

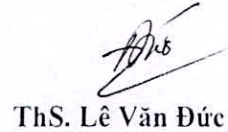
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Lê Nhật Kỳ

TRƯỞNG BỘ MÔN

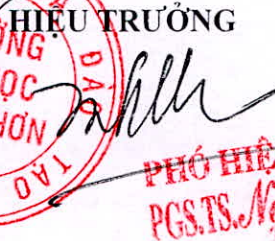

TS. Châu Minh Hùng

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hòa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
THỰC HÀNH GIÁO DỤC 1
Mã học phần: 1110077

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực hành giáo dục 1
- Mã học phần: 1110077 Số tín chỉ: 01
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành học phần Tâm lí học.
- Các yêu cầu khác đối với học phần:
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Lí thuyết: 0
 - + Thực hành, thực tập: 15 tiết.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm: Theo Quy định chung.
- Tự học: Theo Quy định chung về đào tạo tín chỉ.
- Khoa phụ trách học phần: Giáo dục tiểu học và mầm non
- Đơn vị phối hợp: Các Trường mầm non đóng trên địa bàn TP. Quy Nhơn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:
 - + Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về trường mầm non: vị trí, chức năng, nhiệm vụ và công tác tổ chức hoạt động dạy học.
 - + Giúp sinh viên củng cố kiến thức cơ bản về tâm lí trẻ mầm non; hình thành bước đầu tri thức về chăm sóc trẻ, phòng các bệnh thông thường cho trẻ.
 - + Văn hóa giao tiếp, ứng xử trong môi trường sư phạm.
- Kỹ năng:
 - + Hình thành cho sinh viên các kĩ năng quan sát, ghi chép, đánh giá khi tham dự các hoạt động dạy học cụ thể ở trường mầm non.
 - + Hình thành kĩ năng tích lũy kinh nghiệm về việc xử lí các tình huống dạy học.

+ Hình thành kỹ năng làm việc nhóm.

- Thái độ, chuyên cần:

+ Hình thành cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, cầu thị trong môi trường thực hành sư phạm là các trường mầm non.

+ Xây dựng tình cảm nghề nghiệp, tôn trọng giáo viên và yêu mến trẻ em.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

- Cung cố cho sinh viên những kiến thức đã được học ở trường đại học, nhất là các môn mang nặng tính chất nghiệp vụ như Tâm lý học mầm non, Vệ sinh phòng bệnh...

- Hình thành các kỹ năng nghiệp vụ giáo dục mầm non.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực hành giáo dục 1 hướng tới các nội dung sau: tổ chức cho sinh viên làm quen với mô hình trường mầm non, công tác xây dựng và quản lý hoạt động dạy học; rèn luyện kỹ năng quan sát, đánh giá các hiện tượng tâm lý của trẻ mầm non, các biểu hiện bệnh thông thường và cách phòng bệnh, chăm sóc trẻ...

4. Nội dung chi tiết học phần

4.1. Tìm hiểu trường mầm non:

- Nội dung: Mô hình trường học, cơ cấu tổ chức, công tác quản lý dạy và học, các mối quan hệ của nhà trường...

- Hình thức thực hiện:

+ Báo cáo viên (BGH Trường MN): Trình bày dưới dạng chuyên đề.

+ Sinh viên: Lắng nghe, ghi chép, trao đổi.

4.2. Làm quen hoạt động của giáo viên và học sinh:

- Nội dung: hoạt động đón và trả trẻ, hoạt động ăn, ngủ và vui chơi của trẻ, hoạt động giúp trẻ làm vệ sinh thân thể.

- Hình thức thực hiện: Sinh viên làm việc theo nhóm do giáo viên trường mầm non hướng dẫn trực tiếp về chuyên môn.

4.3. Tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non:

- Nội dung: Quan sát các biểu hiện tâm lý thông thường của trẻ em ở từng lứa tuổi cụ thể, trong từng tình huống giao tiếp cụ thể.

- Hình thức thực hiện: Sinh viên trực tiếp quan sát, ghi nhận các biểu hiện tâm lý của trẻ; đối chiếu với lý thuyết đã được học và trao đổi với giáo viên (trường mầm non) về

kinh nghiệm ứng xử trong từng tình huống cụ thể, nhất là những tình huống tâm lí được cho là đặc biệt.

4.4. Tìm hiểu công tác phòng bệnh và đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ:

- Nội dung: Các bệnh thường gặp, những khả năng gây mất vệ sinh, an toàn cho trẻ.

- Hình thức thực hiện:

+ Báo cáo viên (Trường MN): Trình bày dưới dạng chuyên đề.

+ Sinh viên: Lắng nghe, ghi chép, trao đổi và tự mình kiểm chứng qua quá trình thực hành giáo dục tại lớp, trường mầm non.

5. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chương trình Giáo dục Mầm non*

- Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, Nxb GDVN.

6. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả học tập học phần

6.1. Tổ chức thực hiện:

- Thời gian: Học kì 3.

- Địa điểm: Trường mầm non.

- Thành phần tham gia: Toàn thể sinh viên của khóa học.

- Trưởng, phó đoàn: Theo quyết định phân công của nhà trường.

- Kinh phí: Theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

- Nhiệm vụ của giáo vụ, thư kí khoa: Chuẩn bị các văn bản liên quan.

6.2. Đánh giá kết quả học tập:

- Thang điểm: 10.

Trong đó:

+ Chuyên cần: 30%

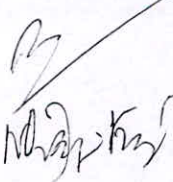
+ Thi cuối kỳ: 70%

- Hình thức thi: Viết

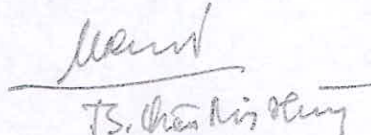
- Sản phẩm: Bài thu hoạch.

Bình Định, ngàythángnăm.....

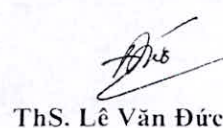
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Lê Nhật Kỳ

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Trần Thị Hương

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: VĂN HỌC DÂN GIAN

Mã học phần: 1110115

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Văn học dân gian
- Mã học phần: 1110115
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết:
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 24
 - + Làm bài tập trên lớp: 0
 - + Thảo luận, thuyết trình: 06
 - + Thực hành, thí nghiệm: 0
 - + Hoạt động theo nhóm: 0
 - + Tự học: Theo quy định chung
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tổ Khoa học xã hội, Khoa GDTH&MN

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn học dân gian (VHDG), đi sâu vào những đặc trưng cơ bản của VHDG cũng như của các thể loại truyện cổ và thơ ca dân gian. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nhận diện các văn bản (trong chương trình Tiếng Việt tiểu học) thuộc bộ phận văn học dân gian hay thuộc văn học viết.
- Kỹ năng: Hình thành kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá và truyền thụ, giảng dạy văn bản VHDG trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

- Thái độ: Xây dựng tinh thần thái độ yêu thích văn học nói chung, văn học dân gian nói riêng, phát huy ý thức vận dụng, học tập văn học dân gian trong mọi mặt đời sống.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

- Giới thiệu chung về Văn học dân gian; xác định những đặc trưng cơ bản phân biệt VHDG với văn học viết; đồng thời khái quát giá trị cơ bản của bộ phận văn học này.

- Tìm hiểu những đặc điểm thể loại truyện cổ dân gian và các thể loại văn vần dân gian.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung làm rõ các vấn đề thuộc đặc trưng, thể loại VHDG. Trước hết, học phần giới thiệu khái niệm *Folklore* và *VHDG*. Theo đó, học phần trình bày rõ các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian trong sự đối sánh với bộ phận văn học viết. Trên cơ sở đó, học phần đi vào nhận diện các thể loại truyện cổ dân gian, văn vần dân gian (*Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Ca dao, Tục ngữ, Đồng dao, Câu đố...*), trên các phương diện nội dung và hình thức thể hiện của thể loại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu chung về văn học dân gian

1.1. Khái niệm Văn học dân gian

1.2. Những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian

1.3. Phân biệt bộ phận Văn học dân gian với Văn học viết

1.4. Những giá trị cơ bản của VHDG đối với đời sống văn hóa, xã hội...

Chương 2: Các thể loại của truyện cổ dân gian

2.1. Thần thoại

2.2. Truyền thuyết

2.3. Truyện cổ tích

2.4. Truyện ngụ ngôn

2.5. Truyện cười

Chương 3: Các thể loại văn vần dân gian

3.1. Câu đố

3.2. Đồng dao

3.3. Ca dao – Dân ca – Hát ru

3.4. Tục ngữ

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Các phương pháp, hình thức giảng dạy: thuyết trình, phân tích, giảng giải, trình chiếu hình ảnh... được vận dụng kết hợp linh hoạt, phù hợp từng nội dung cụ thể.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- [1]. Hoàng Văn Cẩn - *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, Tập1, Nxb Giáo dục, TP HCM, 2005.
- [2]. Nguyễn Nghĩa Dân, *Đồng dao Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2005.
- [3]. Nguyễn Thị Ngọc Diệp, *Ca dao, Dân ca đẹp và hay*, Nxb Trẻ Hội nghiên cứu & giảng dạy văn học TP HCM, 2003.
- [4]. Nguyễn Bích Hà, *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2008.
- [5]. Châu Minh Hùng – Lê Nhật Ký, *Hệ thống thể loại văn học thiếu nhi*, Nxb Giáo dục, H. 2003.
- [6]. Đặng Hấn, *Câu đố xưa và nay*, Nxb Thanh niên, Tp HCM, 2004.
- [7]. Vũ Ngọc Khánh, *Bình giảng thơ ca – truyện dân gian*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [8]. Nhiều tác giả, *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb VHTT, Hà Nội, 1997.
- [9]. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb Văn học, 1983.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: 10%

7.2. Giữa kì: 20%

7.3. Thi cuối kì: 70%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì:

- Thi cuối kì:

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Phn

[Signature]

[Signature]

TS. Phạm Thị Ngọc Hoa

TS. Trần Hưng Dũng

ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Kiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP GIÚP TRẺ LÀM QUEN TÁC PHẨM VĂN HỌC

Mã học phần: 1110056

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Phương pháp làm quen tác phẩm văn học
- Mã học phần: 1110056 - Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Lý thuyết văn học, Văn học dân gian, Văn học thiếu nhi,
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 15
 - + Làm bài tập trên lớp: 0
 - + Thảo luận, thuyết trình: 0
 - + Thực hành giảng dạy (theo nhóm SV): 15
- + Hoạt động theo nhóm: Chia nhóm thực hành theo quy định chung
- + Tự học: Theo quy định chung
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tổ Khoa học xã hội, Khoa GDTH&MN

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Về kiến thức

Trình bày những đặc điểm cơ bản của hoạt động Làm quen văn học ở trường Mẫu non. Trên cơ sở triển khai những vấn đề lý luận chung về văn học, về khoa học của Phương pháp tổ chức hoạt động giúp trẻ Làm quen tác phẩm văn học, về đặc điểm tiếp nhận văn học ở trẻ..., học phần trình bày những phương pháp cơ bản giúp trẻ làm quen

văn học, những hình thức tổ chức thực hiện Hoạt động Giúp trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non.

- Về kỹ năng

- Hoàn thiện các kỹ năng cảm thụ và truyền thụ tác phẩm văn học.

- Phát triển các kỹ năng “đọc, kể” thơ, truyện và kết hợp một số hoạt động khác, giáo viên giúp trẻ bước đầu làm quen văn học và biết tiếp nhận văn học.

- Nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi, sáng tạo nghệ thuật cho trẻ ở trường mầm non qua việc thực hiện hoạt động giúp trẻ làm quen văn học.

- Về thái độ

Có tinh thần chủ động và sáng tạo trong việc sử dụng các kiến thức và kỹ năng truyền thụ văn học vào hoạt động Giúp trẻ làm quen văn học ở trường Mầm non.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

- Giới thuyết khái niệm “Làm quen văn học” cho trẻ mầm non; hệ thống hóa kiến thức chung về chức năng, vai trò, ý nghĩa của tác phẩm văn học đối với việc giáo dục trẻ trong nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục chung. Đồng thời, xác định các hình thức thực hiện tổ chức Hoạt động giúp trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non (Chương 1).

- Giới thiệu các phương pháp tổ chức hoạt động Giúp trẻ làm quen văn học (GTLQVH) ở trường mầm non (Chương 2).

- Các hình thức thực hiện tổ chức hoạt động GTLQVH (Chương 3).

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần xây dựng những kiến thức chung về phương pháp tổ chức hoạt động giúp trẻ làm quen văn học. Giới thuyết khái niệm “*Làm quen văn học*” cho trẻ; vai trò, ý nghĩa của tác phẩm văn học trong nhiệm vụ giáo dục, phát triển trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, học phần trình bày rõ các phương pháp, các hình thức cần vận dụng trong tổ chức hoạt động GTLQVH ở trường mầm non. Từ những lý thuyết cơ bản về các phương pháp, hình thức được trang bị, sinh viên có nhiệm vụ thực hành kỹ năng tổ chức tiết dạy hoạt động GTLQVH (sinh viên soạn giáo án và thực hành trên tiết dạy cụ thể).

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Lý thuyết chung về Hoạt động “Làm quen văn học” ở trường mầm non (10 tiết – 5t lý thuyết, 5 thực hành)

1.1. Giới thuyết khái niệm “Làm quen văn học”

1.2. Ý nghĩa của hoạt động Giúp trẻ làm quen văn học ở trường mầm non

1.3. Nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ mầm non

1.4. Nội dung, chương trình thực hiện hoạt động GTLQVH ở trường mầm non

Chương 2: Phương pháp tổ chức hoạt động GTLQVH ở trường mầm non (15 tiết, 7 lý thuyết, 8 thực hành)

2.1. Nhóm phương pháp dùng lời (Đọc, kể diễn cảm TPVH; Đàm thoại – trò chuyện với trẻ giúp trẻ hiểu TPVH; Diễn giải, phân tích từ ngữ, nội dung, nghệ thuật...trong TPVH...)

2.2. Phương pháp trực quan

2.3. Phương pháp thực hành

Chương 3: Các hình thức tổ chức hoạt động LQVH ở trường mầm non (5 tiết, 3 lý thuyết, 2 thực hành)

3.1. Tích hợp dạy đọc thơ, kể chuyện... trong các hoạt động khác của trẻ mầm non

3.2. Các hình thức tổ chức hoạt động LQVH (ngoài giờ học, góc hoạt động...)

3.3. Dạy thơ, truyện cho trẻ theo độ tuổi

3.4. Hướng dẫn soạn giáo án thực hiện Hoạt động LQVH ở trường mầm non

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Các phương pháp, hình thức giảng dạy như thuyết trình, diễn giảng, phân tích, trình chiếu hình ảnh, thực hành các kỹ năng trên từng cá nhân... được vận dụng kết hợp linh hoạt, phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện học phần.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

[1]. Hà Nguyễn Kim Giang (2008), *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lã Thị Bắc Lý – Lê Thị Ánh Tuyết (Giáo trình), *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học* (Dành cho hệ Cao đẳng sư phạm mầm non), Nxb GD, Hà Nội.

[3]. Nhiều tác giả (2000), *Trò chơi dân gian của trẻ em Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.

[4]. Nhiều tác giả (2008), *Thiết kế dạy học Hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non*, Nxb Giáo dục.

[5]. Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Phạm Thị Việt (2006), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, (Hệ Cao đẳng) Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6]. Đồng Thanh Quang – Nguyễn Thị Mỹ Ngọc (2009), *Giáo án Mầm non - hoạt động làm quen với văn học*, Nxb Hà Nội.

[7]. Đặng Thu Quỳnh (1999), *Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục.

[8]. Nguyễn Thu Thủy (1986), *Giáo dục trẻ Mẫu giáo qua truyện và thơ*, Nxb GD TPHCM.

[9]. Trần Thị Trọng (Chủ biên) (2005), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ truyện Mẫu giáo (3 – 4 tuổi)(5 – 6 tuổi)*, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: 10%

7.2. Giữa kì: 20%

7.3. Thi cuối kì: 70%


7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: tuần thứ 8

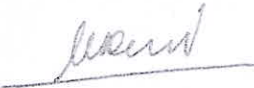
- Thi cuối kì:

Bình Định, ngàythángnăm.....


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

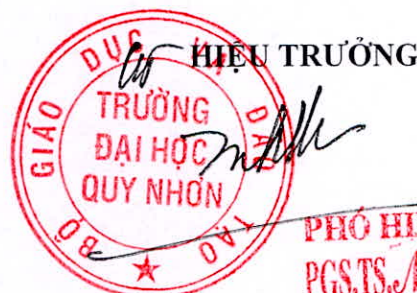

TS. Phạm Thị Ngọc Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Châu Thị Kim

TRƯỞNG KHOA


ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 2**

HỌC PHẦN: Trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non

Mã học phần: 1110206

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**
- Mã học phần: 1110206 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: tự chọn
- Các học phần tiên quyết :
 - + Tâm lí học mầm non
 - + Tiếng Việt
 - + PPPTNN cho trẻ MN
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20
 - + Làm bài tập trên lớp: 20
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thí nghiệm:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Bộ môn phụ trách: Khoa học Xã hội

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Chuyên đề trang bị cho sinh viên GDMN kiến thức, kỹ năng xây dựng và tổ chức trò chơi trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

a. Cung cấp cho sinh viên:

- Những kiến thức về trò chơi trong việc PTNN cho trẻ MN.

b. Rèn luyện cho sinh viên:

- Kỹ năng xây dựng trò chơi PTNN.

- Kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ MN để phát triển ngôn ngữ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày những kiến thức về trò chơi PTNN, kỹ năng xây dựng và tổ chức trò chơi trong PTNN cho trẻ MN.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Trò chơi trong PTNN cho trẻ MN (5 LT/5 BT)

1.1. Vai trò của trò chơi trong PTNN cho trẻ MN

1.2. Phân loại các trò chơi PTNN cho trẻ MN

Chương 2. Xây dựng trò chơi PTNN (10 LT/5 BT)

2.1. Nguyên tắc xây dựng trò chơi PTNN cho trẻ MN

2.2. Cấu trúc một trò chơi PTNN

2.3. Xây dựng trò chơi PTNN theo độ tuổi và theo mục tiêu giáo dục

Chương 3. Tổ chức trò chơi PTNN (5 LT/10 BT)

3.1. Tổ chức trò chơi PTNN theo độ tuổi

3.3. Tổ chức trò chơi PTNN theo mục tiêu giáo dục

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Thuyết trình, đàm thoại; SV luyện tập theo nhóm và cá nhân.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

[12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, 25/7/2009.

[13]. Hồ Lam Hồng, *Trò chơi ngón tay*, Nxb GDVN, 2009.

[14]. Nguyễn Thị Phương Nga, *Tuyển tập bài tập trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục, 2006.

[15]. Trần Thị Ngân-Nguyễn Thị Thu, *Đồ chơi và trò chơi trẻ em*, Nxb Văn học, 2014.

- [16]. Nhiều tác giả, *Tuyển chọn câu đố dành cho trẻ mầm non* (8 tập), Nxb Văn học, 2014.
- [17]. Bạch Văn Quế, *Giáo dục bằng trò chơi*, Nxb Thanh niên, 2003.
- [18]. Sheila Elisson, *365 trò chơi thông minh dành cho bé*, Nxb Phụ nữ, 2007.
- [19]. Hà Sơn, *Dạy bé tự chơi (0 – 1 tuổi)*, Nxb Thời đại, 2010.
- [20]. Hà Sơn, *Dạy bé tự chơi (1 – 2 tuổi)*, Nxb Thời đại, 2010.
- [21]. Đinh Hồng Thái, *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em*, Nxb Giáo dục, 2007.
- [22]. Phùng Đức Toàn, *Phương án 0 tuổi – Phát triển ngôn ngữ từ trong nôi*, Nxb Lao động - Xã hội, 2009.
- [23]. Minh Trang-Minh Hương, *Đồ chơi dân gian và trò chơi dân gian* (10 tập), Nxb Thanh niên, 2011.
- [24]. *Trò chơi ngôn ngữ dành cho trẻ em* (4 tập), Nxb Hồng Bàng, 2011.
- [25]. Nguyễn Ánh Tuyết, *Trò chơi của trẻ em*, Nxb Phụ nữ, 2000.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: GV theo dõi, ghi nhận sự có mặt và tinh thần tham gia bài học của SV.

7.2. Giữa kì: bài tập thực hành

7.3. Thi cuối kì: bài thi viết

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: sau nội dung 1

- Thi cuối kì: theo lịch chung của Trường

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

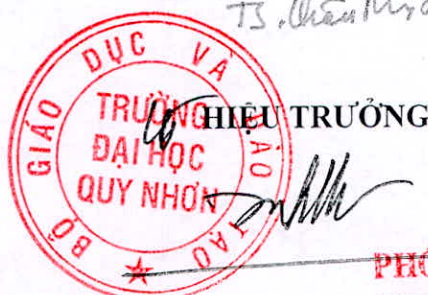
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Uanh
TS. Nguyễn Quý Thành

Uanh
TS. Trần Thị Dung

Đ.Đ
ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA GDTH & MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 2**

HỌC PHẦN: Ngữ dụng học và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mầm non

Mã học phần: 1110205

Tên tiếng Anh:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Ngữ dụng học và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mầm non**

- Mã học phần: 1110205

Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: tự chọn

- Các học phần tiên quyết :

+ Tâm lí học mầm non

+ Tiếng Việt

+ PPPTNN cho trẻ MN

- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lí thuyết: 20

+ Làm bài tập trên lớp: 20

+ Thảo luận:

+ Thực hành, thí nghiệm:

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học:

- Bộ môn phụ trách: Khoa học Xã hội

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Chuyên đề có tính cập nhật và nâng cao kiến thức cho sinh viên GDMN về ngôn ngữ học hiện đại: vận dụng nội dung cơ bản của ngữ dụng học vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ MN.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

a. Cung cấp cho sinh viên:

- Những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học.
- Kiến thức ngữ dụng học đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ MN.

b. Rèn luyện cho sinh viên:

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để đạt hiệu quả giao tiếp cao.
- Kỹ năng phát triển giao tiếp cho trẻ mầm non.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản nhất về ngữ dụng học, vận dụng vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ MN.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học (10LT/5BT)

- 1.1. Giao tiếp ngôn ngữ
- 1.2. Sự chiếu vật
- 1.3. Hội thoại
- 1.4. Hàm ngôn, hiển ngôn

Chương 2. Vận dụng kiến thức NDH vào việc PTKN giao tiếp cho trẻ MN (10 LT/15BT)

- 2.1. Đặc điểm giao tiếp ngôn ngữ của trẻ MN
- 2.2. Nội dung PTNN cho trẻ
- 2.3. Giao tiếp với trẻ
- 2.4. Dạy trẻ giao tiếp

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Thuyết trình, đàm thoại; SV luyện tập theo nhóm và cá nhân.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, 25/7/2009.

- [2]. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học, Tập 1*, Nxb ĐHSP, 2003.
- [3]. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học, Tập 1*, Nxb Giáo dục, 1998
- [4]. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000.
- [5]. Nguyễn Thị Phương Nga, *Tuyển tập bài tập trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục, 2006.
- [6]. Hoàng Thị Oanh, ..., *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2001.
- [7]. Đinh Hồng Thái, *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em*, Nxb Giáo dục, 2007.
- [8]. Hà Thiện Thuyên, *Ngôn ngữ trẻ thơ*, Nxb Thanh niên, 1998.
- [9]. Phùng Đức Toàn, *Phương án 0 tuổi – Phát triển ngôn ngữ từ trong nôi*, Nxb Lao động-Xã hội, 2009.
- [10]. Bùi Kim Tuyền, Hồ Lam Hồng, Đặng Thu Quỳnh, *Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ*, Nxb Giáo dục, 1999.
- [11]. Tường Vi (biên dịch), *Giúp trẻ mạnh dạn nói chuyện*, Nxb Phụ nữ, 2006.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: GV theo dõi, ghi nhận sự có mặt và tinh thần tham gia bài học của SV.

7.2. Giữa kì: bài tập thực hành

7.3. Thi cuối kì: bài thi viết

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: sau nội dung 1

- Thi cuối kì: theo lịch chung của Trường

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Chanh

Minh

Đức

TS. Nguyễn Quý Thành

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Bình Kiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌCPHẦN: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC

Mã học phần: 1110202

Tên tiếng Anh: *Method of music education*

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC

Mã học phần: 1110202

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Âm nhạc cơ bản, Âm nhạc thực hành, Múa và phương pháp biên soạn động tác múa cho trẻ em

Các yêu cầu khác về học phần: Phòng học

Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết

+ Làm bài tập trên lớp:

+ thực hành: 10

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa GDTH&MN

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

* Kiến thức: nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức, cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc trong trường mầm non. Giúp sinh viên nắm vững nội dung, chương trình và các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.

* Kỹ năng: hình thành cho người học những kỹ năng thiết kế và biên soạn những giáo án giáo dục âm nhạc trong chương trình giáo dục chung. Hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc trong trường mầm non, lên kế hoạch hoạt động trong ngày có liên quan đến âm nhạc trong trường mầm non.

* Thái độ, chuyên cần: qua những kiến thức được cung cấp, người học có thái độ hưởng ứng tích cực đối với nghề nghiệp có hướng phấn đấu và sáng tạo trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:

- Chương 1: Khái quát chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non.
- Chương 2: Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
- Chương 3: Phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
- Chương 4: Nghiên cứu nội dung chương trình, thiết kế giáo án và thực hiện tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non..

3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)

Học phần trang bị cho người học những cơ sở lý luận chung về phương pháp giảng dạy nói chung, phương pháp giáo dục âm nhạc nói riêng. Người học nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non cũng như vai trò của giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non. Học phần giúp cho người học hiểu rõ và nắm vững phương pháp tổ chức từng dạng hoạt động âm nhạc trong trường mầm non. Từ đó người học có thể thiết kế được giáo án giáo dục âm nhạc cho trẻ ở các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và trực tiếp thực hiện các tiết tổ chức hoạt động âm nhạc theo giáo án đã thiết kế...

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁO DỤC ÂM NHẠC TRONG TRƯỜNG MẦM NON (4 LT)

1.1. Giáo dục âm nhạc và sự hình thành nhân cách cho trẻ mầm non

- 1.1.1. Âm nhạc là phương tiện giáo dục thẩm mỹ*
- 1.1.2. Âm nhạc là phương tiện giáo dục đạo đức*
- 1.1.3. Âm nhạc phát triển trí tuệ*
- 1.1.4. Âm nhạc tác động đến sự phát triển sinh lý của trẻ*

1.2. Đặc điểm tâm sinh lý và đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non

- 1.2.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non và sự tiếp nhận âm nhạc*
- 1.2.2. Đặc điểm, khả năng âm nhạc của trẻ mầm non*

1.3. Mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non

Chương 2: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TRONG TRƯỜNG MẦM NON (4LT)

2.1. Tổ chức các hoạt động âm nhạc dưới dạng tiết học

- 2.1.1. Nội dung các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non*
- 2.1.2. Hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non*

2.2. Tổ chức hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày của trẻ ở trường mầm non

2.2.1. Hoạt động âm nhạc trước và sau giờ học buổi sáng

2.2.2. Hoạt động âm nhạc trong các giờ học khác ở trường mầm non

2.3. Tổ chức hoạt động âm nhạc trong ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC (10LT)

3.1. Một số nguyên tắc và phương pháp dạy học âm nhạc

3.1.1. Một số nguyên tắc dạy học âm nhạc

3.1.2. Các phương pháp dạy học âm nhạc

3.2. Phương pháp dạy trẻ ca hát

3.2.1. Đặc điểm cơ quan phát âm của trẻ và yêu cầu cần đạt được khi dạy trẻ hát

3.2.2. Lựa chọn bài cho trẻ hát

3.2.3. Phương pháp dạy trẻ hát

3.2.4. Chuẩn bị dạy hát

3.3. Phương pháp tổ chức cho trẻ nghe nhạc, hát

3.3.1. Khả năng nghe nhạc của trẻ

3.3.2. Nội dung và một số thể loại bài hát cho trẻ nghe

3.3.3. Hướng lựa chọn bài hát và công tác chuẩn bị cho trẻ nghe nhạc

3.3.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ nghe và các hình thức tổ chức nghe

3.4. Phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc và múa minh họa cho bài hát

3.4.1. Đặc điểm vận động của trẻ

3.4.2. Các dạng vận động theo nhạc

3.4.3. Phương pháp hướng dẫn trẻ vận động theo nhạc

3.5. Phương pháp tổ chức trò chơi âm nhạc

3.5.1. Vai trò, ý nghĩa giáo dục của trò chơi âm nhạc

3.5.2. Các dạng trò chơi âm nhạc

3.5.3. Cách dạy trẻ chơi

Chương 4: NGHIÊN CỨU NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, THIẾT KẾ GIÁO ÁN VÀ THỰC HIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TRONG TRƯỜNG MẦM NON (2LT + 10 TH)

4.1. Nghiên cứu nội dung chương trình giáo dục âm nhạc cho các độ tuổi trẻ ở trường mầm non

4.1.1. Nghiên cứu nội dung chương trình giáo dục âm nhạc cho độ tuổi nhà trẻ ở trường mầm non

4.1.2. *Nghiên cứu nội dung chương trình giáo dục âm nhạc cho các độ tuổi mẫu giáo ở trường mầm non*

4.2. Thiết kế các giáo án để tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ các độ tuổi mầm non

4.2.1. *Thiết kế các giáo án để tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ dưới 36 tháng*

4.2.2. *Thiết kế các giáo án để tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ các độ tuổi trên 36 tháng*

4.3. Thực hiện tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở các độ tuổi trong trường mầm non (tập giảng).

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp minh họa, trực quan.
- Phương pháp thực hành, luyện tập.
- Hình thức giảng dạy tập trung trên lớp học lý thuyết và chia nhóm khi thực hành, luyện tập.

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

23. Đào Ngọc Dung , *Âm nhạc thiếu nhi tác giả, tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.
24. Phạm Thị Hòa , *Giáo dục âm nhạc tập 1+ 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
25. Nguyễn Hoàn Thông – Nguyễn Minh Toàn , *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc ở Mẫu giáo*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
26. Trần Minh Trí , *Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
27. Viện chiến lược và chương trình giáo dục, *Tuyển chọn Trò chơi, bài hát, thơ ca, Truyện, Câu đố theo chủ đề dành cho trẻ 3 – 4 tuổi, 4 – 5 tuổi, 5 – 6 tuổi*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần:

- 7.1. *Chuyên cần: 1/10* (Đi học đầy đủ, có tinh thần học tập và xây dựng bài học).
- 7.2. *Giữa kỳ: 2/10* (Tham gia kiểm tra, đánh giá trên lớp theo hình thức thực hành tập giảng).
- 7.3. *Thi cuối kỳ: 7/10* (Tham gia thi kết thúc học phần theo hình thức viết)

7.4 Lịch kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ: tiến hành kiểm tra khi học được $\frac{1}{2}$ hoặc $\frac{2}{3}$ chương trình môn học.
- Kiểm tra cuối kỳ: tiến hành kiểm tra khi kết thúc môn học theo kế hoạch chung của Trường.

Bình Định, ngàythángnăm.....

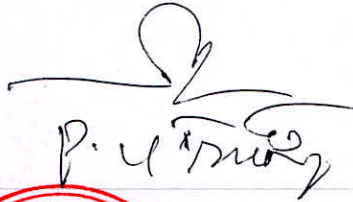
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



Phạm Chi Chu Hoa



P. U. Trương



ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Kiên

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần

- *Kiến thức* : Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non kiến thức cơ bản :
 - + Khái quát về hoạt động làm đồ dùng ở trường mầm non .
 - + Ý nghĩa, tác dụng đồ dùng tự làm trong tổ chức các hoạt động giáo dục; Ý nghĩa đồ chơi đối với việc giáo dục trẻ.
 - + Cấu tạo, cách làm đồ chơi, đồ dùng dạy học theo yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục.
- *Kỹ năng* :
 - + Thiết kế, tự làm các loại đồ chơi, đồ dùng dạy học bằng các nguyên vật liệu dụng cụ khác nhau
 - + Biết cách sưu tầm, khai thác các loại nguyên vật liệu tận dụng, dễ kiếm để làm được các loại đồ chơi, đồ dùng dạy học có ý nghĩa.
- *Thái độ, chuyên cần* :
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, kiên nhẫn trong thực hành làm đồ dùng, đồ chơi
 - + Tạo hứng thú nghề nghiệp thông qua thực hành làm những món đồ dùng, đồ chơi sinh động.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non một số kiến thức về kỹ thuật thiết kế và gia công các loại đồ dùng, đồ chơi đơn giản từ các chất liệu khác nhau. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tự thiết kế, gia công trên nhiều chất liệu khác, sẵn có ở địa phương, các nguyên vật liệu tận dụng để tạo được các mẫu đồ chơi cho trẻ, các loại đồ dùng dạy học, sử dụng trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Tổng cộng
	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

<p>Chương 1: Một số vấn đề đồ chơi đơn giản, đồ dùng dạy học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm hiểu một số khái niệm 2. Vai trò, ý nghĩa của đồ chơi, đồ dùng dạy học 3. Giới thiệu – phân loại nhóm vật liệu, dụng cụ gia công 4. Các kỹ thuật cơ bản gia công vật liệu làm đồ dùng, đồ chơi 5. Những lưu ý về kỹ thuật khi gia công nguyên liệu để làm đồ dùng, đồ chơi 	5	0	0		0	5
<p>Chương 2 : Thiết kế - gia công các nhóm đồ chơi, đồ dùng dạy học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm hiểu, phân loại nhóm đồ chơi, đồ dùng dạy học 2. Cấu tạo, cách làm đồ chơi, đồ dùng theo nhóm. <ul style="list-style-type: none"> + Đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ tuổi nhà trẻ + Đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ tuổi mẫu giáo <p><i>Kiểm tra thực hành bài thứ 1</i></p>	5	10	0	15	0	30
<p>Chương 3 : Kỹ thuật khai thác đồ chơi, đồ dùng dạy học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khai thác đồ chơi hiệu quả cho trẻ tuổi nhà trẻ, tuổi mẫu giáo 	5	5	0	0	0	10

<p>2. Khai thác đồ dùng dạy học hiệu quả cho trẻ trong các hoạt động giáo dục</p> <p><i>Kiểm tra thực hành bài thứ 2</i></p>						
--	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

- Phương pháp diễn giảng-trần thuật
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thực hành

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- Lê Đình Bình – *Hoạt động tạo hình* – Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002
- Phạm Thị Việt Hà – *Hướng dẫn làm đồ chơi từ vật liệu dễ tìm* – Nhà xuất bản giáo dục, 2005
- Phạm Thị Việt Hà - *Hướng dẫn tạo hình bằng vật liệu thiên nhiên* - Nhà xuất bản giáo dục, 2006
- Đặng Hồng Nhật – *Làm đồ chơi* – Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001
- Vụ giáo dục mầm non – *Hướng dẫn làm đồ chơi từ nguyên vật liệu ở địa phương (luu hành nội bộ)* – Dự án phát triển trẻ thơ, 2001

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – Đánh giá kết quả học tập học phần

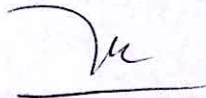
- 7.1. Chuyên cần: trọng số 10% - tham gia học tập trên lớp : 80% tổng số tiết/ học phần.
- 7.2. Giữa kỳ : 20%
- Phần tự học, tự nghiên cứu(hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/ bài/ đề tài/ chủ đề).
 - Bài tập kiểm tra thực hành sau khi kết thúc 1 chương thực hành.
 - Bài kiểm tra giữa kỳ : bài kiểm tra thực hành trước khi kết thúc môn học.
- 7.3. Thi cuối kỳ : 70%
- Hình thức thi : Thực hành kết hợp vấn đáp
 - Thời gian thi : theo kế hoạch chung


Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

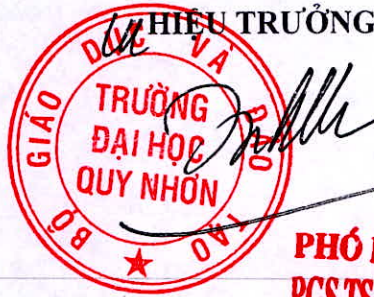
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


Trương Chí Lê Công


Phạm Văn Trung


ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Kiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MỸ THUẬT

Mã học phần: 1110200

Tên tiếng Anh: Art Educational Methods

1. Tên thông tin chung về học phần

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MỸ THUẬT

- Mã học phần: 1110200 Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Bắt buộc

- Các học phần tiên quyết: Mỹ thuật & Thủ công

- Các yêu cầu khác đối với học phần:

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động

+ Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

+ Làm bài tập trên lớp

+ Thảo luận:

+ Thực hành: 20tiết

+ Tự học:

- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non, Tổ Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật .

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non (GDMN) hệ thống hiểu biết về lý luận tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật cho trẻ mầm non.

- Rèn luyện cho sinh viên ngành GDMN kỹ năng tổ chức hoạt động (Kỹ năng lựa chọn nội dung giáo dục, Lập kế hoạch tổ chức, Tổ chức hoạt động) nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non.

- Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên ngành GDMN.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

- **Kiến thức:** Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

+ Mục tiêu, đặc điểm, vai trò và các nhiệm vụ giáo dục về lĩnh vực mỹ thuật tạo hình đơn giản cho trẻ mầm non.

+ Xác định các phương pháp, hình thức, phương tiện, phương pháp đánh giá hoạt động giáo dục mỹ thuật đối với trẻ mầm non.

- Kỹ năng

+ Thiết kế được kế hoạch tổ chức các hoạt động theo các phương thức, hình thức khác nhau nhằm đạt hiệu quả giáo dục cho trẻ về lĩnh vực mỹ thuật tạo hình.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục mỹ thuật phù hợp.

- Thái độ

+ Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề, mến trẻ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mục tiêu chung của GDMN là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành cho trẻ những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1. Mục tiêu này đã được thể hiện cụ thể trong chương trình GDMN, trong đó có mục tiêu về giáo dục thẩm mỹ là: giáo dục trẻ biết cảm nhận được vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật; yêu thích cái đẹp, biết giữ gìn và mong muốn tạo ra cái đẹp ở xung quanh; có nhu cầu, hứng thú khi tham gia vào các hoạt động mỹ thuật khác nhau như: vẽ, nặn, xếp dán, chấp ghép, xé – cắt dán, làm đồ chơi đơn giản; biết thể hiện cảm xúc sáng tạo thông qua các hoạt động đó. Học phần Phương pháp Giáo dục Mỹ thuật cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống lý luận về phương pháp tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu về giáo dục thẩm mỹ, phát triển tư duy nhận thức sáng tạo cho trẻ một cách hiệu quả nhất.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Tổng cộng
	Lên lớp			Thực hành nhóm	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1: Một số vấn đề chung về nội dung giáo dục mỹ thuật cho trẻ mầm non	5	0	0	0	0	5

<p>1. Mỹ thuật và vai trò của hoạt động mỹ thuật trong giáo dục nhân cách toàn diện cho trẻ mầm non.</p> <p>2. Đặc điểm hoạt động mỹ thuật – đặc điểm nhận thức của trẻ về hoạt động mỹ thuật.</p> <p>3. Các nội dung giáo dục về hoạt động mỹ thuật cho trẻ mầm non.</p>						
<p>Chương 2 : Phương pháp giáo dục mỹ thuật cho trẻ mầm non</p> <p>1. Cơ sở xác định phương pháp giáo dục hoạt động mỹ thuật cho trẻ mầm non.</p> <p>2. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật.</p> <p>3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật.</p>	5	0	0	0	0	5
<p>Chương 3 : Tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật cho trẻ mầm non</p> <p>1. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục mỹ thuật.</p> <p>2. Tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật ở trường mầm non</p> <p>+Tổ chức hoạt động vẽ</p> <p>+Tổ chức hoạt động nặn</p> <p>+Tổ chức hoạt động xếp</p>	10	0	0	10	0	20

dán, chấp ghép +Tổ chức hoạt động xé dán, cắt dán, làm đồ chơi.						
---	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

- Thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Giảng dạy lý thuyết trên lớp, thực hành tổ chức hoạt động theo nhóm

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

1. Từ điển thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
2. - Bộ Giáo dục & Đào tạo - Trường CĐSP Nhà trẻ, mẫu giáoTW1- Nghệ thuật trong cuộc sống trẻ thơ- Hà Nội, 2005.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục mầm non.
4. Lê Thanh Thủy, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, NXB Đại học sư phạm, 2004.
5. Viện chiến lược và Chương trình giáo dục – Tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp, Hà Nội, 2006.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- 7.1. Chuyên cần: 10% - Tham gia học tập trên lớp
- 7.2. Giữa kỳ: 20%
- 7.3. Thi cuối kỳ: 70%
- 7.4. Lịch thi kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ
 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi học xong 20 tiết LT và 5 tiết TH.
 - Thi cuối kỳ: theo kế hoạch chung.

Bình Định, ngàythángnăm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Lê Văn Đức



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Kiên